

MỤC LỤC

Lời nói đầu	1
Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	2
1.1 Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1 Khái niệm về nguyên vật liệu.....	2
1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu	2
1.1.3 Vai trò của nguyên vật liệu	3
1.1.4 Yêu cầu quản lý Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	3
1.1.5 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	4
1.1.6 Phân loại nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	5
1.1.7 Tính giá nguyên vật liệu.....	6
1.1.7.1 Tính giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế	8
1.1.7.1.1 Xác định giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho	8
1.1.7.1.2 Xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho	9
1.1.7.2 Tính giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán	11
1.2 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu	12
1.2.1 chứng từ sử dụng.....	12
1.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	13
1.2.2.1 Phương pháp thẻ song song	13
1.2.2.2 Phương pháp sổ số dư	14
1.2.2.3 Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển	16
1.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	17
1.2.3.1 Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	17
1.2.3.2 Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	20
1.3 Tổ chức sổ kế toán	23
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	23
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	24
1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	24

1.3.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ	24
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	25
Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải	26
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH nhựa Ngọc Hải.....	26
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	26
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	27
2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh	27
2.1.2.2 Đặc điểm của sản phẩm.....	28
2.1.2.3 Dây chuyền sản xuất	28
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Doanh nghiệp	30
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty	31
2.1.5 Tổ chức công tác kế toán.....	32
2.1.5.1 Hệ thống chứng từ kế toán	32
2.1.5.2 Hệ thống tài khoản kế toán.....	33
2.1.5.3 Hệ thống sổ sách kế toán.....	33
2.1.5.4 Trình tự ghi sổ kế toán	33
2.1.5.5 Chính sách sổ kế toán áp dụng tại công ty.....	35
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải.....	35
2.2.1 Phân loại nguyên vật liệu	35
2.2.2 Tính giá nguyên vật liệu.....	35
2.2.2.1 Tính giá nguyên vật liệu nhập kho.....	35
2.2.2.2 Tính giá nguyên vật liệu xuất kho.....	36
2.2.3 Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu	37
2.2.3.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.....	37
2.2.3.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.....	37
2.2.4 Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải.....	38
2.2.5 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải.....	56
2.2.5.1 Tài khoản sử dụng	56

2.2.5.2 Quy trình hạch toán.....	56
Chương 3: Một số nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.....	67
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu	67
3.1.1 Ưu điểm.....	67
3.1.2 Hạn chế.....	70
3.1.3 Sự cần thiết của hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu.....	71
3.1.4 Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu	73
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải.	73
3.2.1 Hoàn thiện về việc ứng dụng phần mềm kế toán.....	74
3.2.2 Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư.....	75
3.2.3 Hoàn thiện trích lập dự phòng.....	78
3.2.4 Hoàn thiện về thủ tục nhập xuất kho nguyên vật liệu.....	80
3.2.5 Hoàn thiện về luân chuyển chứng từ.....	81
3.2.6 Nghiên cứu thị trường, tìm hiểu thị trường.....	82
3.2.7 Hoàn thiện về nhân sự	83
Kết luận	84

LỜI MỞ ĐẦU

Quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp bao gồm các khâu chính là mua hàng hóa, vật tư, sản xuất sản phẩm và khâu cuối cùng là khâu tiêu thụ hàng hóa sản phẩm. Bất kỳ một khâu nào của quá trình sản xuất đều có tầm quan trọng riêng của nó và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải chi phí chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm vì vậy việc tổ chức tốt công tác kế toán nói chung đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của công ty.

Nguyên vật liệu tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty với tư cách là đối tượng lao động. Đây là một trong ba yếu tố cơ bản nhất của quá trình sản xuất kinh doanh đặc biệt là đối với công ty sản xuất sản phẩm. Sự ổn định về yếu tố đầu vào là một yêu cầu tất yếu để đảm bảo cho sự hoạt động liên tục trong thời buổi kinh tế thị trường.

Là một sinh viên thực tập với những kiến thức đã được trang bị trong những năm học ở trường và kết quả tìm hiểu thực tế trong thời gian thực tập ở công ty em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải.

Kết cấu của đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu và tình hình quản lý sử dụng nguyên vật liệu tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải

Chương 3: Một số nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty .

Trong quá trình tìm hiểu và viết bài chắc chắn còn nhiều thiếu sót em mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để em có thể hoàn thiện bài viết của mình hơn. Em xin chân thành cảm ơn cô giáo Phạm Thị Nga đã hướng dẫn, cảm ơn ban lãnh đạo cùng tập thể nhân viên công ty TNHH nhựa Ngọc Hải đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp này.

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm về nguyên vật liệu

Theo chuẩn mực số 02 – Hàng tồn kho (Ban hành theo QĐ 149/2001/QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001) hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Như vậy nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm được sản xuất và được thể hiện dưới dạng vật hóa như: Hạt nhựa trong doanh nghiệp sản xuất đồ nhựa, vải trong doanh nghiệp may mặc, sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí...

1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu

Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu có những đặc điểm sau:

+ Về mặt hiện vật: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một quá trình sản xuất kinh doanh nhất định. Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh dưới tác động của lao động và tư liệu lao động nguyên vật liệu sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo thành thực thể của sản phẩm.

+ Về mặt giá trị: Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh giá trị của nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra.

Như vậy xét trên phương diện giá trị và hiện vật, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu của bất cứ quá trình sản xuất kinh doanh nào. Dưới hình thái hiện vật nó biểu hiện là một bộ phận quan trọng của sản phẩm lao động. Còn dưới hình thái giá trị nó là thành phần quan trọng của vốn lưu động.

1.1.3 Vai trò của nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất sản phẩm

+ Về mặt chi phí: Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh. Mỗi sự biến động về chi phí nguyên vật liệu đều ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Vì vậy nó là yếu tố luôn được chú trọng khi doanh nghiệp muốn tiết kiệm chi phí, hạ giá thành, tăng lợi nhuận.

+ Về mặt vốn: Nguyên vật liệu là thành phần quan trọng trong vốn hoạt động của Doanh nghiệp. Việc tổ chức và sử dụng tốt nguyên vật liệu góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

Từ vai trò của nguyên vật liệu ta thấy cần phải tổ chức tốt công tác hạch toán nguyên vật liệu để nguyên vật liệu được cung cấp đầy đủ, kịp thời, đảm bảo đúng qui cách, chất lượng, chủng loại và được dự trữ, bảo quản tốt sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm.

1.1.4 Yêu cầu quản lý Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Nguyên vật liệu là yếu tố không thể thiếu được trong quá trình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu bao gồm nhiều loại khác nhau và xuất phát từ vai trò quan trọng của chúng nguyên vật liệu cần được quan tâm chú trọng. Quản lý tốt nguyên vật liệu còn tạo điều kiện khách quan để xác định hiệu quả kinh doanh, đánh giá tài sản doanh nghiệp xác đáng, đầy đủ hơn. Hơn nữa nó giúp cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra nhịp nhàng liên tục, ổn định, đúng kế hoạch về nhu cầu dự trữ, không ứ đọng vốn, đảm bảo sử dụng tiết kiệm hợp lý vật liệu nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, sử dụng vốn lưu động. Muốn như vậy việc quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp phải đảm bảo các yêu cầu sau:

**** Đối với khâu thu mua***

Trong quá trình thu mua Doanh nghiệp cần tìm kiếm các nhà cung cấp ở địa điểm thuận lợi cho Doanh nghiệp, có giá cả hợp lý, chất lượng đảm bảo, đúng qui cách, chấp hành đúng thời gian giao hàng. Và phải tiến hành các hợp đồng cung ứng vật tư vừa đảm bảo về mặt pháp lý vừa mang lại quyền lợi hợp pháp cho cả hai bên. Công việc quan trọng đảm bảo chất lượng của khâu thu mua nữa là doanh

ngành cần phải xác định rõ nhu cầu về nguyên vật liệu, về số lượng, cơ cấu, chủng loại để công ty đảm bảo mua đúng, mua đủ và cung ứng kịp thời góp phần tăng tốc độ lưu chuyển vốn lưu động, giảm thiểu các chi phí phát sinh không cần thiết.

**** Đối với công tác quản lý***

Thông thường nguyên vật liệu mua về không thể dùng hết ngay vào hoạt động sản xuất. Các doanh nghiệp đều có mức tồn kho nguyên vật liệu nhất định để nhằm duy trì hoạt động sản xuất được diễn ra thường xuyên liên tục. Muốn vậy doanh nghiệp phải có kho tàng bền bỉ đầy đủ đáp ứng yêu cầu cất giữ và phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, có đội ngũ nhân viên thủ kho có đầy đủ kinh nghiệm, trình độ tinh thần trách nhiệm, tư cách đạo đức để đảm bảo tốt công việc được giao. Phải thường xuyên theo dõi số lượng nguyên vật liệu, kiểm tra nguyên vật liệu về chất lượng, phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu để thuận tiện cho công tác bảo quản, cất giữ. Bên cạnh đó Doanh nghiệp cần phải kiểm tra thường xuyên nguyên vật liệu nhằm phát hiện kịp thời những hao hụt mất mát, sự giảm chất lượng để có biện pháp kịp thời xử lý, đảm bảo hiệu quả của công tác quản lý nguyên vật liệu

**** Đối với quá trình sử dụng***

Từ khâu thu mua bảo quản đến khi nguyên vật liệu được đưa vào sử dụng là cả công đoạn đòi hỏi nề nếp nhất định. Tuy vậy để sử dụng có hiệu quả nguyên vật liệu thì doanh nghiệp phải sử dụng đúng các định mức tiêu hao, sử dụng đúng chủng loại nguyên vật liệu, tuân thủ quy trình sản xuất nghiêm ngặt, tiến hành đầy đủ các thủ tục xuất kho nhằm đảm bảo trật tự việc theo dõi nguyên vật liệu đã dùng vào sản xuất. Đồng thời cung cấp thông tin chính xác kịp thời phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh được chính xác đầy đủ.

1.1.5 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Để đáp ứng nhu cầu quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu, tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp phải thực hiện các công tác cơ bản sau:

+ Theo dõi, ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác, trung thực số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị và thời gian cung cấp nguyên vật liệu. Xác định đúng, chính xác giá trị của nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho hay tồn kho để cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính.

+ Tổ chức chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để ghi chép phân loại, tổng hợp số liệu đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình tăng giảm của vật tư trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, xác định giá vốn hàng bán. Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp

+ Tính toán và phân bổ chính xác, kịp thời giá trị xuất dùng cho các đối tượng khác nhau. Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về cung ứng vật tư cho sản xuất kinh doanh nhằm xác định kịp thời nhu cầu và phát hiện các thiếu hụt mất mát. Thậm chí cả với những gian lận sai sót khi thu mua, bảo quản để có những biện pháp xử lý kịp thời, giảm thiểu những rủi ro không đáng có, giúp doanh nghiệp hoạt động ổn định.

1.1.6 Phân loại nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp có nhiều loại khác nhau, mỗi loại lại có qui cách, phẩm chất, tính chất lý hóa học khác nhau vai trò công dụng khác nhau và được bảo quản dự trữ với điều kiện khác nhau. Do vậy để tổ chức tốt khâu hạch toán và bảo quản đòi hỏi doanh nghiệp phải phân loại nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý. Cụ thể có một số nhóm tiêu thức phân loại như sau:

**** Phân loại nguyên vật liệu theo nội dung kinh tế và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp:***

Nguyên vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu, vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ không đặt khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm.

Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường,

hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản, đóng gói, phục vụ cho quá trình lao động. Như chất đóng rắn, sơn...

Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể rắn, thể lỏng và thể khí

Phụ tùng thay thế: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

Vật liệu khác: Là các loại vật liệu chưa được xếp vào các loại vật liệu trên. Thường là những vật liệu bị loại ra trong quá trình sản xuất hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

**** Phân loại nguyên vật liệu theo nguồn hình thành:***

Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: Do mua ngoài, nhận góp vốn liên doanh hoặc được biếu tặng.

Nguyên vật liệu tự chế: Là nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự sản xuất.

**** Phân loại nguyên vật liệu theo mục đích, công dụng nguyên vật liệu:***

Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh gồm:

+ Nguyên vật liệu trực tiếp cho chế tạo sản phẩm

+ Nguyên vật liệu dùng cho quản lý tại các phân xưởng, phòng ban, bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:

+ Nguyên vật liệu dùng cho nhượng bán

+ Nguyên vật liệu đem góp vốn liên doanh

+ Nguyên vật liệu đem quyên tặng

1.1.7 Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh. Tính giá nguyên vật liệu là

việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực, chính xác.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ tài chính thì: “Hàng tồn kho phải được tính theo giá gốc”. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi phí tính vào giá gốc hàng tồn kho gồm: Chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho.

- Chi phí thu mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua được trừ khỏi chi phí mua.

- Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất: Như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi khác ngoài chi phí mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho gồm:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong bán hàng

- Chi phí bán hàng

- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần cho việc tiêu thụ chúng.

Có nhiều cách đánh giá vật liệu nhập kho, xuất kho, nhưng chúng ta có thể chia ra làm hai phương pháp chính:

Tính giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế

Tính giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

1.1.7.1 Tính giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế

1.1.7.1.1 Xác định giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho

Trị giá vốn của nguyên vật liệu được xác định theo từng nguồn nhập:

* Đối với nguyên vật liệu mua ngoài bao gồm:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí thu} & & \text{Các khoản thuế} & & \\ \text{tế NVL} & = & \text{theo hóa} & + & \text{mua thực} & + & \text{không được} & - & \text{Các khoản} \\ \text{mua vào} & & \text{đơn} & & \text{tế phát sinh} & & \text{hoàn lại} & & \text{giảm trừ} \end{array}$$

- Giá mua ghi trên hóa đơn được xác định theo hai trường hợp

Trường hợp doanh nghiệp mua nguyên vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì giá trị của nguyên vật liệu mua vào được phản ánh theo giá chưa có thuế GTGT

Trường hợp doanh nghiệp mua nguyên vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc dùng cho hoạt động sự nghiệp, phúc lợi thì giá trị của nguyên vật liệu mua vào được phản ánh theo giá bao gồm cả thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.

- Chi phí thu mua thực tế phát sinh: Bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu, hao mòn tự nhiên

- Các khoản thuế không được hoàn lại: Bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp trực tiếp).

- Khoản giảm trừ: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng

* Nhập kho nguyên vật liệu tự làm ra, tự gia công:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế hàng tự} & & & & \text{Trị giá vốn thực tế} & & & & \\ \text{sản xuất gia công} & = & & & \text{NVL xuất kho gia} & + & \text{Chi phí gia công} & & \\ & & & & \text{công chế biến} & & \text{chế biến} & & \end{array}$$

* Với nguyên vật liệu nhận vốn góp:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá thực tế} & & & & \text{Giá do hội đồng giao} & & & & \\ \text{hàng nhận về} & = & & & \text{nhận vốn xác định} & + & \text{Chi phí liên quan} & & \\ & & & & & & \text{đến tiếp nhận} & & \end{array}$$

* Với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{NVL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{của NVL xuất thuê} \\ \text{ngoài gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số tiền phải trả} \\ \text{cho đơn vị nhận} \\ \text{gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển} \\ \text{bốc dỡ khi giao} \\ \text{nhận vật liệu} \end{array}$$

* Với nguyên vật liệu do được cấp:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{NVL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thỏa thuận cấp} \\ \text{(lấy trong biên bản cấp)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí phát sinh} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

* Với nguyên vật liệu do được biếu tặng, tài trợ:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{NVL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế tương đương} \\ \text{trên thị trường} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí phát sinh} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

1.1.7.1.2 Xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho

Nguyên vật liệu nhập kho trong doanh nghiệp từ rất nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau. Do đó khi xuất kho nguyên vật liệu tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý cũng như thiết bị tính toán ở từng doanh nghiệp mà chọn một trong những phương pháp sau để xuất kho nguyên vật liệu cho phù hợp. Phương pháp đó phải sử dụng thống nhất từ kỳ này sang kỳ khác nhờ đó có thể kiểm tra, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh chính xác. Điều 13 trong chuẩn mực kế toán số 02 nêu ra 4 phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho:

Phương pháp tính theo giá đích danh

Phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp nhập trước xuất trước

Phương pháp nhập sau xuất trước

Nội dung, ưu điểm, nhược điểm của các phương pháp cụ thể như sau:

❖ **Phương pháp tính theo giá đích danh**

Nội dung: Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá của đúng lô đó để tính ra giá vốn thực tế của vật tư xuất kho (tức giá trị xuất kho của vật tư đó). Đây là phương pháp lý tưởng nhất cho phép xác định được độ chính xác cao.

Ưu điểm: Phương pháp này xác định được độ chính xác cao khi xác định giá trị vật tư xuất kho, tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán là chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị xuất dùng cho vật tư sản xuất phù hợp với giá trị thành phẩm nó tạo ra, giá trị tồn kho của vật tư phản ánh theo đúng giá trị của nó.

Nhược điểm: Phương pháp này đòi hỏi công tác quản lý phải chặt chẽ, thường xuyên, luôn theo dõi tình hình biến động của từng vật tư và đặc biệt phải nhận diện được từng lô mới đảm bảo xác định được đúng chủng loại, giá cả.

Điều kiện áp dụng: Chỉ phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, ít chủng loại, hàng có giá trị cao như các mặt hàng trang sức đắt tiền

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về

Nội dung: Trị giá thực tế của vật tư xuất kho được tính dựa vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ và đơn giá bình quân thực tế theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế vật tư xuất kho} = \text{Số lượng vật tư xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền}$$

Trong đó: Giá đơn vị bình quân gia quyền được tính một trong hai cách:

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ của hàng hóa

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ} + \text{trị giá vật tư nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật tư nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ tính toán đơn giản, khối lượng tính toán ít, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư

Nhược điểm: Chỉ tính được vào cuối kỳ kế toán vì vậy ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Ngoài ra giá bình quân gia quyền cả kỳ không phản ánh được kịp thời sự biến động giá cả hàng tồn kho.

* Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập)

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập thứ N}}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập thứ N}}$$

Ưu điểm: Phương pháp này cho giá vật liệu xuất kho chính xác, phản ánh được kịp thời sự biến động của giá cả hàng tồn kho, công việc tính giá được tiến hành đều đặn.

Nhược điểm: Khối lượng công việc tính toán nhiều và phức tạp

❖ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Nội dung: Phương pháp này dựa trên giả định vật tư nào nhập trước thì sẽ được xuất trước và lấy đơn giá nhập bằng đơn giá xuất. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được xác định dựa trên đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp có sự giảm phát

Ưu điểm: phản ánh tương đối chính xác giá vật tư xuất kho và tồn kho

Nhược điểm: Làm cho các khoản doanh thu hiện tại không phù hợp với các khoản chi phí hiện tại và mức dư tồn nguyên vật liệu sẽ lớn.

❖ **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

Nội dung: Phương pháp này dựa trên giả định là những loại vật tư nào nhập sau sẽ được xuất trước và cũng lấy đơn giá nhập bằng đơn giá xuất. Theo phương pháp này trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được xác định dựa trên đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp có sự lạm phát

Ưu điểm: Làm cho những khoản doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại

Nhược điểm: Giá hàng xuất kho phản ánh không chính xác trong trường hợp giá cả trong năm biến động, tính toán phức tạp, dễ nhầm lẫn

1.1.7.2 **Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán**

Giá hạch toán là giá được quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp và được sử dụng ổn định trong một thời gian dài, giá hạch toán của nguyên vật liệu có thể là giá mua thực tế, giá kế hoạch, giá bán buôn

Giá hạch toán được sử dụng để hạch toán chi tiết hàng ngày tình hình nhập - xuất - tồn kho vật liệu. Khi sử dụng giá hạch toán để hạch toán chi tiết hàng ngày thì cuối kỳ phải tính chuyển giá hạch toán thành giá thực tế để ghi sổ kế toán tổng hợp, việc tính chuyển được tiến hành như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giữa} \\ \text{giá thực tế và giá hạch} \\ \text{toán của nguyên vật} \\ \text{liệu} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL tồn đầu kỳ} \\ \text{Giá hạch toán của} \\ \text{NVL tồn đầu kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL nhập trong kỳ} \\ \text{Giá hạch toán của} \\ \text{NVL nhập trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL xuất dùng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của NVL} \\ \text{xuất dùng trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và} \\ \text{giá hạch toán của nguyên vật liệu} \end{array}$$

Ưu điểm: Phản ánh kịp thời biến động về giá trị của các nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh

Nhược điểm: Chỉ được dùng giá hạch toán trong việc hạch toán chi tiết vật liệu và chỉ áp dụng với Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Điều kiện áp dụng: Được áp dụng trong doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, giá cả luôn biến động, việc nhập xuất kho diễn ra thường xuyên

1.2 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu

1.2.1 chứng từ sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ - BTC ngày 20 tháng 3 của Bộ trưởng BTC về các chứng từ về vật tư hàng hóa bao gồm:

- + Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu 02 - VT)
- + Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 03-VT)
- + Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- + Biên bản kiểm kê vật tư (Mẫu 05-VT)
- + Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu (Mẫu 07-VT)
- + Hóa đơn GTGT (bên bán lập) (Mẫu 01-GTKT-3LL)

+ Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTTT-3LL)

+ Hóa đơn vận chuyển

Đối với các chứng từ này lập cần tuân thủ theo qui định về mẫu của Bộ tài chính, đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh trong chứng từ.

Ngoài các chứng từ sử dụng bắt buộc theo quy định của Nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ hướng dẫn:

+ Phiếu xuất vật tư theo hạn mức

+ Biên bản kiểm nghiệm

+ Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ

1.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Việc quản lý tình hình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu được thực hiện chủ yếu ở bộ phận kho và phòng kế toán. Trên cơ sở các chứng từ kế toán về nhập, xuất kho nguyên vật liệu, thủ kho và kế toán nguyên vật liệu tiến hành hạch toán kịp thời và chính xác. Việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán đã hình thành nên phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu nhằm theo dõi về số lượng, chất lượng của từng thứ, từng danh điểm vật tư nguyên vật liệu và tình hình hoạt động của chúng theo từng kho. Công việc này tiến hành đồng thời giữa kho và phòng kế toán để dễ dàng kiểm tra, đối chiếu phát hiện sai sót. Các doanh nghiệp thường áp dụng một trong ba phương pháp sau để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

1.2.2.1 Phương pháp thẻ song song

❖ Nội dung của phương pháp ghi thẻ song song

Ở kho: Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập, phiếu xuất kho để ghi vào các thẻ kho theo số lượng, cuối ngày tính số tồn kho trên thẻ kho. Định kỳ gửi phiếu nhập, phiếu xuất cho kế toán. Thẻ kho được mở cho từng mặt hàng và được hình biến động của từng mặt hàng, theo từng kho hàng về số lượng

Ở phòng kế toán: Hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào phiếu nhập, xuất kho do thủ kho gửi đến kế toán kiểm tra và ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu theo từng mặt hàng về số lượng và giá trị

Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết nguyên vật liệu, đối chiếu với thẻ kho theo số lượng. Sau đó kế toán tổng hợp số liệu ở các sổ chi tiết hàng hóa vào bảng kê tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu theo từng mặt hàng, nhóm hàng để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp

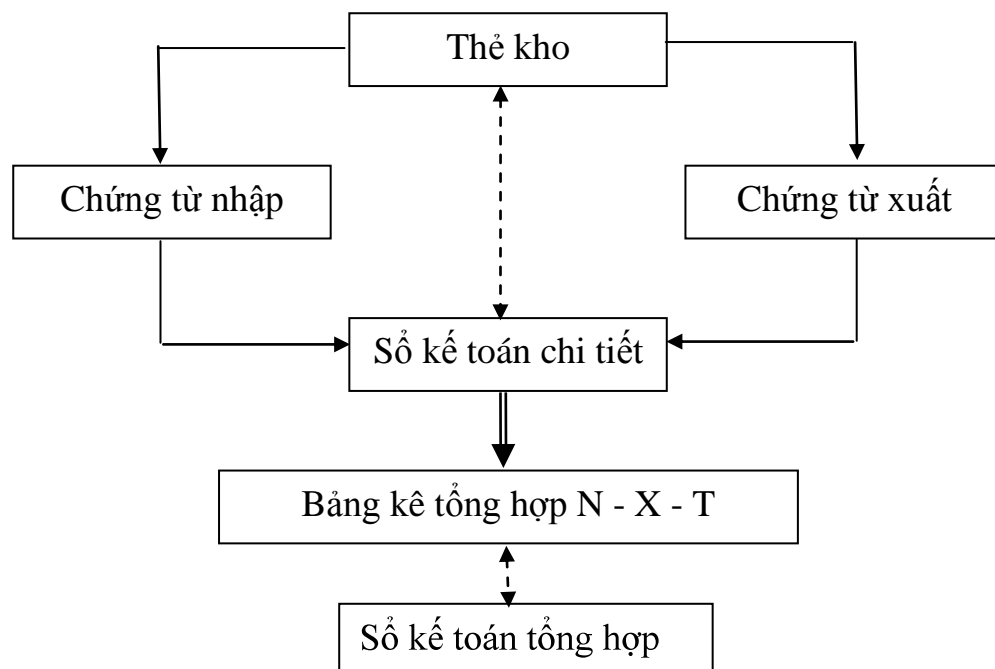
❖ Ưu điểm, nhược điểm, phạm vi áp dụng

Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu số liệu, đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh

Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và kế toán còn trùng lặp về số lượng. Mặt khác do việc kiểm tra đối chiếu được tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán

Phạm vi áp dụng: Phù hợp với doanh nghiệp có chủng loại mặt hàng, số lượng, nghiệp vụ nhập - xuất kho ít, trình độ của chuyên môn kế toán chưa cao.

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

1.2.2.2 Phương pháp sổ số dư

❖ Nội dung của phương pháp sổ số dư

Ở kho: Thủ kho vẫn mở thẻ kho và ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn. Cuối tháng thủ kho căn cứ số lượng tồn kho của từng mặt hàng trên thẻ kho để ghi vào

sổ số dư rồi chuyển cho kế toán. Sổ số dư do kế toán mở cho từng kho, dùng cho cả năm, cuối mỗi tháng giao cho thủ kho ghi một lần.

Ở Phòng kế toán: Hàng ngày căn cứ vào các phiếu nhập kho, xuất kho do thủ kho chuyển đến kế toán ghi vào bảng kê nhập, xuất, tồn của từng kho theo chỉ tiêu giá trị.

Cuối tháng, căn cứ vào đơn giá để ghi vào cột “số tiền” trên sổ số dư với số liệu trên cột “tồn cuối kỳ” trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn của từng kho. Sau đó kế toán lập bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn của toàn doanh nghiệp để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp

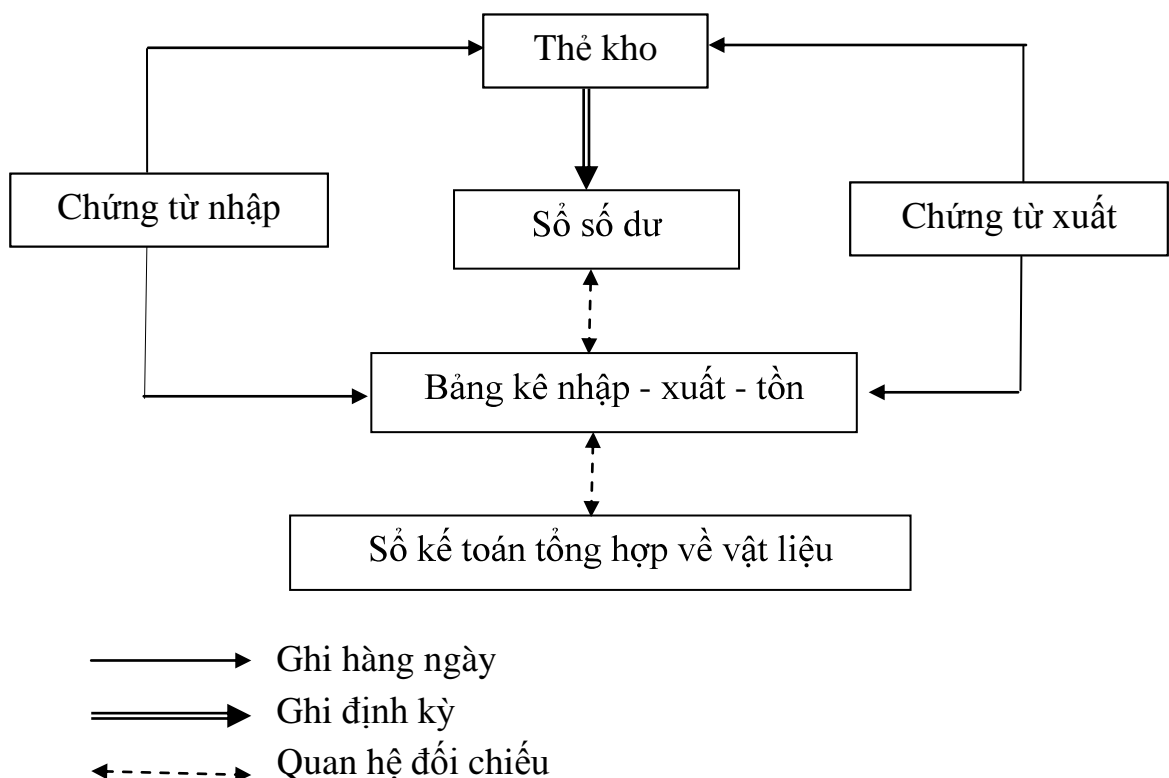
❖ Ưu điểm, nhược điểm, phạm vi áp dụng

Ưu điểm: Giảm bớt khối lượng công việc ghi sổ kế toán, công việc tiến hành đều đặn trong tháng, tăng cường công tác kiểm tra giám sát của kế toán, kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán ở kho và phòng kế toán

Nhược điểm: Do kế toán ghi theo chỉ tiêu giá trị nên không biết nhanh được số hiện có và tình hình biến động của từng mặt hàng. Đồng thời việc phát hiện sai sót nhầm lẫn cũng gặp nhiều khó khăn

Phạm vi áp dụng: Phương pháp sổ số dư phù hợp với doanh nghiệp có số lượng nghiệp vụ nhập, xuất lớn, diễn ra thường xuyên có nhiều chủng loại hàng, trình độ chuyên môn của kế toán tương đối cao

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu
Theo phương pháp sổ số dư**



1.2.2.3 Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển

❖ Nội dung của phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển

Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song, phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn của từng thứ vật tư hàng hóa

Ở phòng kế toán: Kế toán nguyên vật liệu sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép theo chỉ tiêu số lượng và giá trị cho từng loại vật tư theo từng tháng. Cuối tháng số liệu trên sổ đối chiếu với kế toán tổng hợp. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở và được dùng cho cả năm, mỗi thứ nguyên vật liệu được ghi một dòng trong sổ và được ghi một lần trong tháng

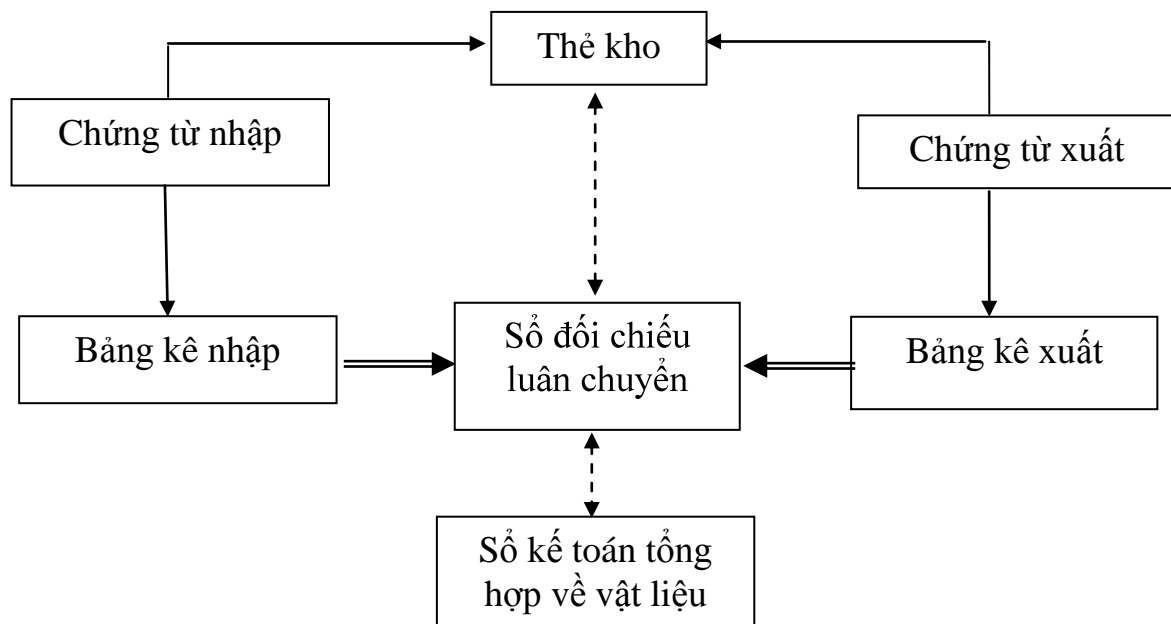
❖ Ưu điểm, nhược điểm, phạm vi áp dụng

Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán giảm bớt chỉ ghi một lần cuối kỳ

Nhược điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán dồn vào cuối kỳ quá nhiều, ảnh hưởng đến tính kịp thời của việc cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng khác nhau, hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán

Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dụng thích với doanh nghiệp có chủng loại vật liệu ít, không nhiều nghiệp vụ nhập, xuất, tồn do đó không có điều kiện theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn hàng ngày

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

1.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.3.1 Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi, phản ánh thường xuyên liên tục có hệ thống tình hình tăng giảm nguyên vật liệu trên sổ kế toán sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập, xuất.

Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên các tài khoản kế toán nguyên vật liệu được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư. Vì vậy giá trị của nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán .

Cuối kỳ căn cứ số liệu kiểm kê thực tế nguyên vật liệu, so sánh, đối chiếu với số liệu nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số tồn kho thực tế phải phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có giải pháp kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn

Việc tính trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập, xuất trong kỳ được căn cứ vào các phiếu nhập, phiếu xuất kho và đơn giá tính theo phương pháp lựa chọn.

* Tài khoản sử dụng là TK 152 – Nguyên liệu vật liệu làm tài khoản chính, ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan như TK 111, 112, 331, 133, 151, 242, 621, 622, 627, 641, 642...

Kết cấu nội dung của tài khoản 152 – Nguyên liệu, vật liệu: Tài khoản này phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu vật liệu trong kho của doanh nghiệp

Bên nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận vốn góp hoặc từ các nguồn khác

Trị giá vật liệu, nguyên liệu phát hiện thừa khi kiểm kê

Bên có: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn

Trị giá nguyên liệu vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua

Chiết khấu thương mại nguyên liệu vật liệu khi mua được hưởng

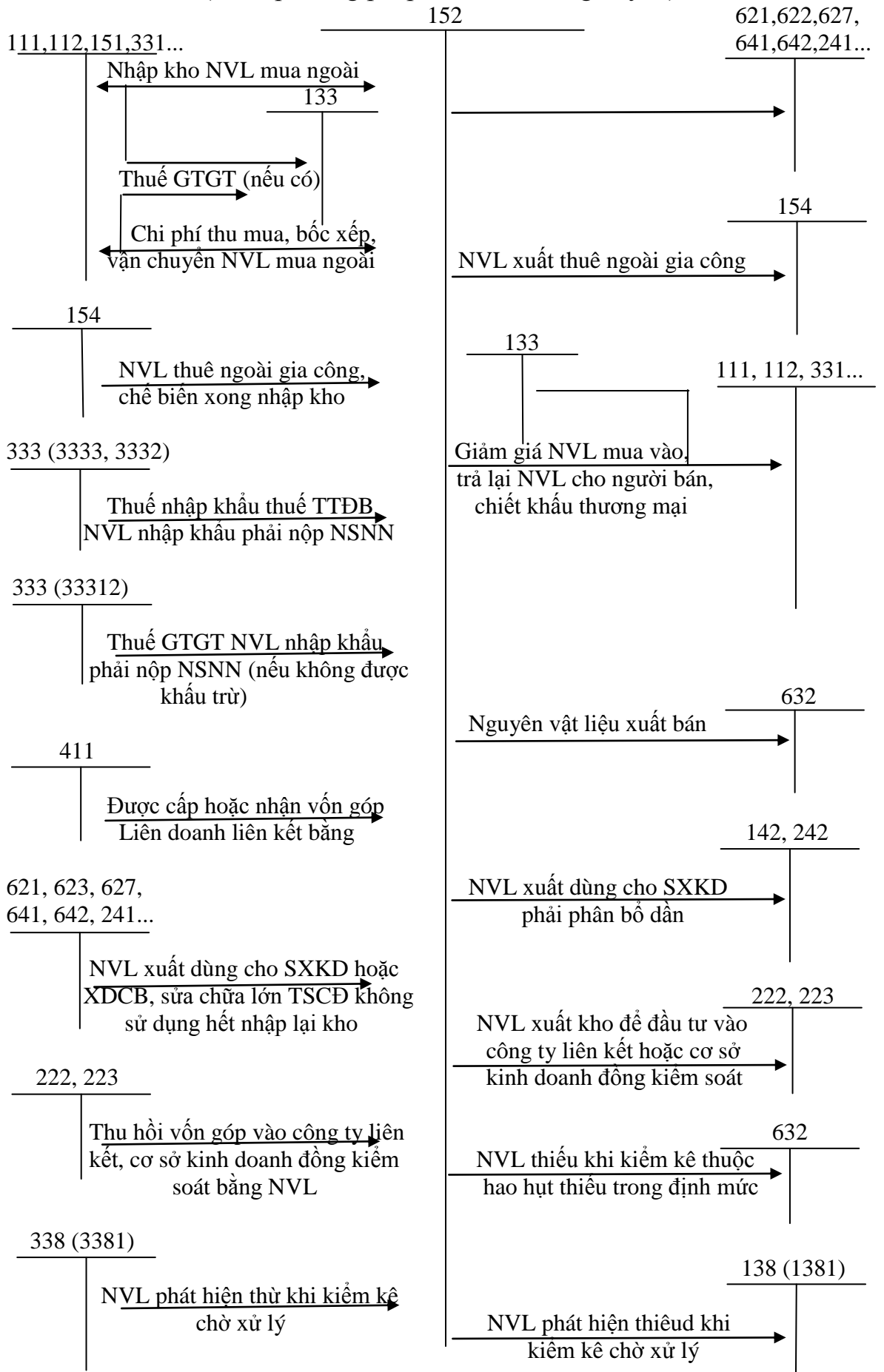
Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê

Số dư bên nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ

Do nguyên vật liệu đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc nhập xuất nguyên vật liệu lại diễn ra phức tạp nên công tác tổng hợp nguyên vật liệu được phân định rõ ràng theo hai loại: Kế toán nhập nguyên vật liệu, kế toán xuất nguyên vật liệu.

* Trình tự hạch toán kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên qua sơ đồ số 1.4

Sơ đồ 1.4: KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



1.2.3.2 Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho trong kỳ} = \text{Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị hàng nhập kho trong kỳ} - \text{Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hóa (nhập kho, xuất kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611 “Mua hàng”).

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế, trị giá hàng hóa, vật tư xuất kho trong kỳ làm căn cứ ghi sổ của tài khoản 611.

Như vậy, khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh trị giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với quy cách, mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp, hàng hóa hoặc vật tư xuất dùng, xuất bán thường xuyên

Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho có ưu điểm là đơn giản, giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán. Nhưng độ chính xác về giá trị vật tư, hàng hóa xuất dùng, xuất bán bị ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lý tại kho, bên bãi

* Kết cấu tài khoản 611 – Mua hàng

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa nguyên liệu, vật liệu mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại....

Bên có:

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ...tồn kho cuối kỳ
- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu vật liệu xuất sử dụng trong kỳ hoặc xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ)
- Giá gốc của nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá

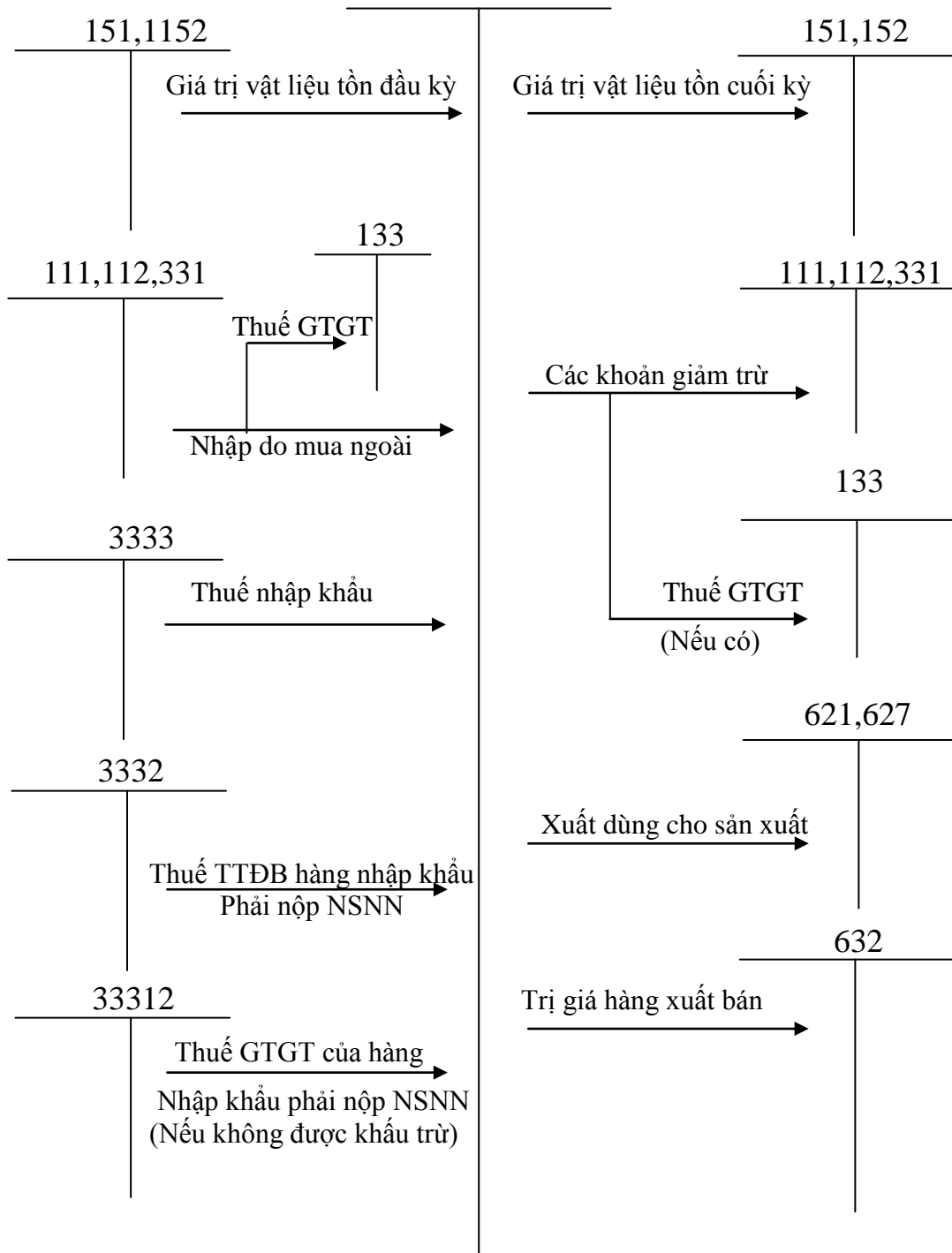
Số dư cuối kỳ: Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 611 – Mua hàng có 2 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, công cụ dụng cụ mua vào và xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ kế toán
- Tài khoản 6112 – Mua hàng hóa: Tài khoản này phản ánh giá trị hàng hóa mua vào và xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán

* Trình tự hạch toán kế toán tổng hợp theo phương pháp kiểm kê định kỳ qua sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.5: KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)
611



1.3 Tổ chức sổ kế toán

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thì hiện nay có các hình thức sổ: Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký sổ cái và Kế toán máy.

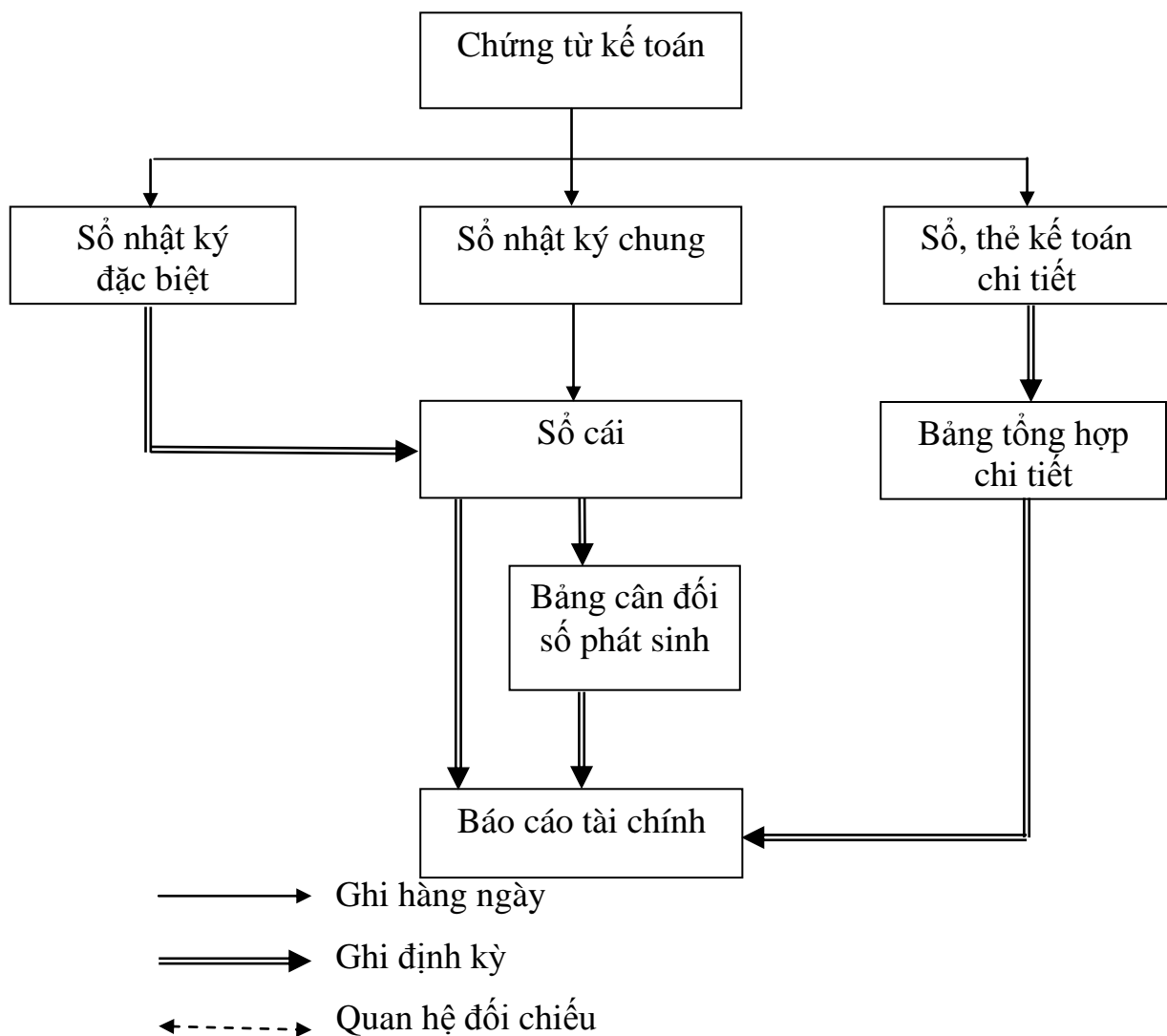
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Biểu số 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm có các sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán vhi tiết

1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm và phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ có các sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán theo quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ ghi bằng tay.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH nhựa Ngọc Hải

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Để hòa cùng với sự phát triển của nền kinh tế đất nước, để đảm bảo cho kinh doanh có hiệu quả và chiếm được ưu thế trên thị trường thì hầu hết các doanh nghiệp đều có kế hoạch phát triển cho riêng mình. Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải cũng là một trong những công ty luôn tìm mọi cách để hoàn thiện mình.

Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp với nội dung như sau:

- Tên tiếng việt: Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải
- Tên tiếng anh: Ngoc Hai plastic company limited.
- Tên viết tắt: Ngoc Hai plastic co., Ltd.
- Địa chỉ: Số 18 - Cầu Bính - Sở Dầu - Hồng Bàng - Hải Phòng.
- Tel: 031.3528578
- Fax: 031.3528880
- Email: ngochaiplastic@vnn.vn
- Mã số thuế: 0200428385

Ban đầu công ty TNHH nhựa Ngọc Hải mới chỉ là cơ sở sản xuất còn nhỏ, với diện tích 7.217m². Khi được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy phép thành lập công ty TNHH nhựa Ngọc Hải với số vốn đầu tư ban đầu là 2 tỷ đồng, lúc đó do diện tích còn nhỏ hẹp nên công ty còn phải thuê cơ sở khác để phục vụ sản xuất, cụ thể là:

Trụ sở: An Đông - An Dương - Hải Phòng là nơi sản xuất khuôn

Trụ sở: Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng là nơi sản xuất các sản phẩm

Trụ sở: Sở dầu - Hồng Bàng - Hải phòng là nơi chứa nguyên vật liệu

Do địa điểm phân tán nên không thuận lợi trong quá trình sản xuất kinh doanh và tốn nhiều chi phí. Không bằng lòng với thực tế, từng bước khắc phục khó khăn công ty đã nhanh chóng tập trung các nơi sản xuất lại làm một và bây giờ có trụ sở ở: Số 18 Cầu Bính - Sở Dầu - Hồng Bàng - Hải Phòng. Cùng cố bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh công ty đã liên tục lớn mạnh và phát triển không ngừng. Sau nhiều năm hoạt động và để hòa nhập vào với công cuộc Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước, cùng với phương châm kinh doanh: “Công nghệ tiên tiến, sản phẩm hoàn hảo, độ chính xác cao” thì công ty đã không ngừng đầu tư xây dựng thêm các nhà xưởng, đầu tư mua sắm mới dây chuyền sản xuất hiện đại và đồng bộ nâng cấp chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa về sản phẩm như là vật liệu gỗ nhựa. Đây là sản phẩm mới của công ty nhưng nó đang được ứng dụng mạnh tại thị trường Mỹ, EU, Châu Á Thái Bình Dương. Hiện nay công ty đã nâng tổng số vốn đầu tư lên 160 tỷ và diện tích nhà xưởng tăng gấp 8 lần so với diện tích ban đầu. Tình hình sản xuất kinh doanh ngày càng ổn định nên công ty luôn tạo ra được sản phẩm được đánh giá là có chất lượng cao trên thị trường Việt Nam, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh

Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm:

- Các sản phẩm nhựa công nghiệp: Pallet nhựa, két bia, két nước giải khát, container, thùng rác, ống nhựa uPVC, phụ tùng ống nhựa.....
- Sản phẩm nhựa kỹ thuật cao: Vỏ tivi, vi tính, phụ kiện nhựa cho xe máy, quạt máy, tủ lạnh
- Sản phẩm nhựa gia dụng: Bàn, ghế, xô, mâm khay, bàn chải, đĩa...
- Bao bì nhựa nông dược: Chai coex nhiều lớp từ 50 -100 ml, chai thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ....
- Bao bì nhựa mỹ phẩm: Chai dầu gội đầu, sữa tắm, chai nước sả vải...
- Bao bì dược phẩm: Chai thuốc tây...
- Bao bì nhựa thực phẩm: Muỗng, nĩa, tô...
- Sản phẩm nhựa trang trí nội thất: Tủ trung 5 ngăn, tủ mi ni 4 ngăn, kệ 3 tầng

- Sản phẩm vật liệu gỗ nhựa WPC: Tấm trần và vách, tấm sàn chịu lực cao, tấm nẹp, khung...

2.1.2.2 Đặc điểm của sản phẩm

* Sản phẩm nhựa công nghiệp, nhựa gia dụng

- Nhẹ dễ xử lý, tiết kiệm chi phí vận hành

- Độ bền cơ học lớn, chịu va đập và áp lực

- Chống lại sự ăn mòn từ chất điện phân, sự tấn công do nhiễm khuẩn và quá trình ăn mòn hóa học

- Cách điện tốt, khó cháy

* Sản phẩm vật liệu gỗ nhựa WPC

- Cách điện tốt, cách âm, giảm độ bắt cháy

- Chịu được nước, không cong vênh, chống mối mọt, nấm mốc và côn trùng

- Có tính năng linh hoạt như gỗ tự nhiên, có thể gia công bằng các dụng cụ như cưa, bào...

- Không gây nứt vỡ khi khoan, đóng đinh.

2.1.2.3 Dây chuyền sản xuất

Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải là một doanh nghiệp sản xuất có quy mô lớn trên các dây chuyền và trang thiết bị hiện đại. Bộ phận của công ty được chia thành nhiều phân xưởng, mỗi phân xưởng được bố trí theo kiểu chuyên môn hóa rất cao. Công ty có 5 phân xưởng sản xuất chuyên làm các nhiệm vụ từ khâu chuẩn bị đến khâu hoàn thành sản phẩm, bao gồm: Xưởng chuẩn bị sản xuất, xưởng xử lý nhựa tái sinh, xưởng sản xuất khuôn mẫu, xưởng sạch tự động hóa, xưởng sản xuất nhựa

- Phân xưởng chuẩn bị sản xuất: Nhựa được dùng để sản xuất chủ yếu là nhựa thô, nhựa chưa qua tái chế, trước khi đưa vào sản xuất chúng được kiểm tra kỹ thuật rất chặt chẽ. Khi kiểm tra xong chúng được chuyển đến cho phân xưởng xử lý nhựa.

- Phân xưởng xử lý nhựa: Khi nhận được các sản phẩm nhựa thô chưa tái chế chuyển sang thì tại đây sẽ được làm sạch các nhựa thô đó và có máy xay để xay nhựa thô ra và cho vào máy tạo hạt nhựa để tạo ra những hạt nhựa. Khi đó các hạt nhựa gốc, nhựa đã được tái chế được chọn đều theo tỷ lệ quy định, sấy khô. Sau

khi hạt nhựa xử lý có độ bóng, độ ẩm thích hợp được chuyển đến máy ép nhựa để sản xuất ra sản phẩm nhựa

- Phân xưởng sản xuất nhựa: Tại đây có các dây truyền để sản xuất ra các sản phẩm nhựa như dây truyền máy thổi chai nhiều lớp, dây truyền máy ép nhựa, dây truyền máy ép phun....

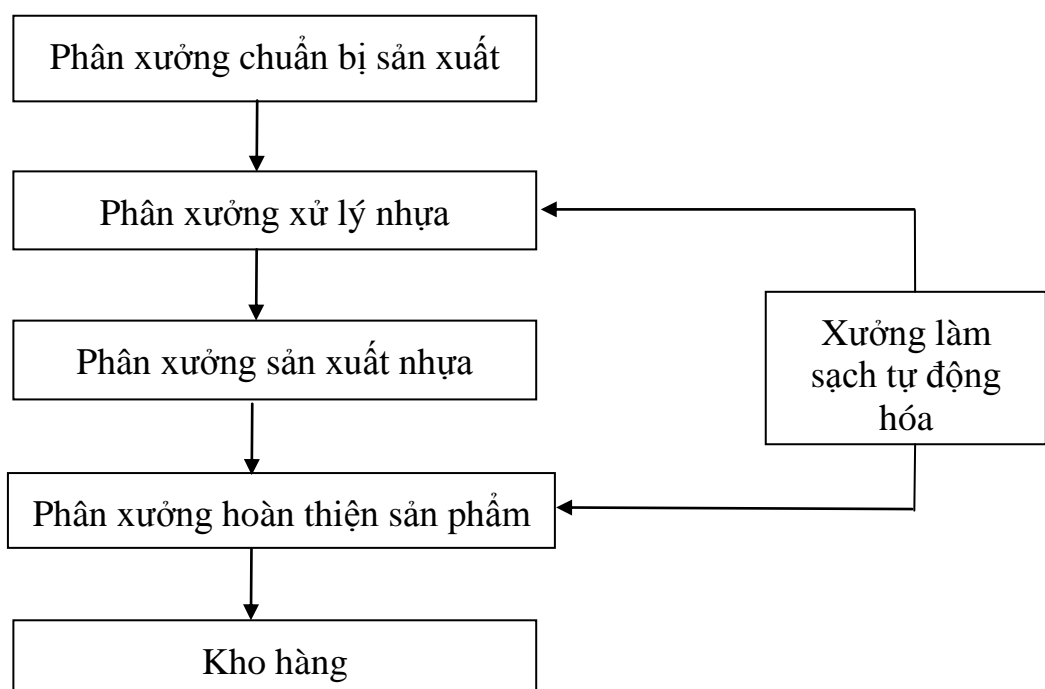
Nhựa sau khi đã được chuyển đến máy ép nhựa, đã được làm chảy thì tại máy ép phun sẽ tự động phun nhựa vào trong khuôn. Nhựa nóng chảy sẽ được ép đầy vào khoảng trống trong khuôn, khi đông đặc trở lại có hình dạng sản phẩm như kết cấu định hình của khuôn mẫu.

- Hoàn thiện sản phẩm: Sản phẩm nhựa sau khi đã nguội được lấy ra khỏi khuôn, được kiểm tra về chất lượng: Kích thước, độ dày, trọng lượng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn xếp lên xe và chuyển đến nơi hoàn thiện sản phẩm.

Tại nơi hoàn thiện sản phẩm dây truyền sản xuất sạch tự động hóa vô trùng không bụi được sử dụng với hệ thống tự động hóa 100% sẽ làm cho các sản phẩm đáp ứng được yêu cầu nghiêm khắc về vệ sinh môi trường, tránh độc hại. Các sản phẩm sau khi kiểm tra đảm bảo về chất lượng và vệ sinh an toàn công nghiệp sẽ được chỉnh sửa, dán tem, đóng hộp và kết thúc quá trình sản xuất.

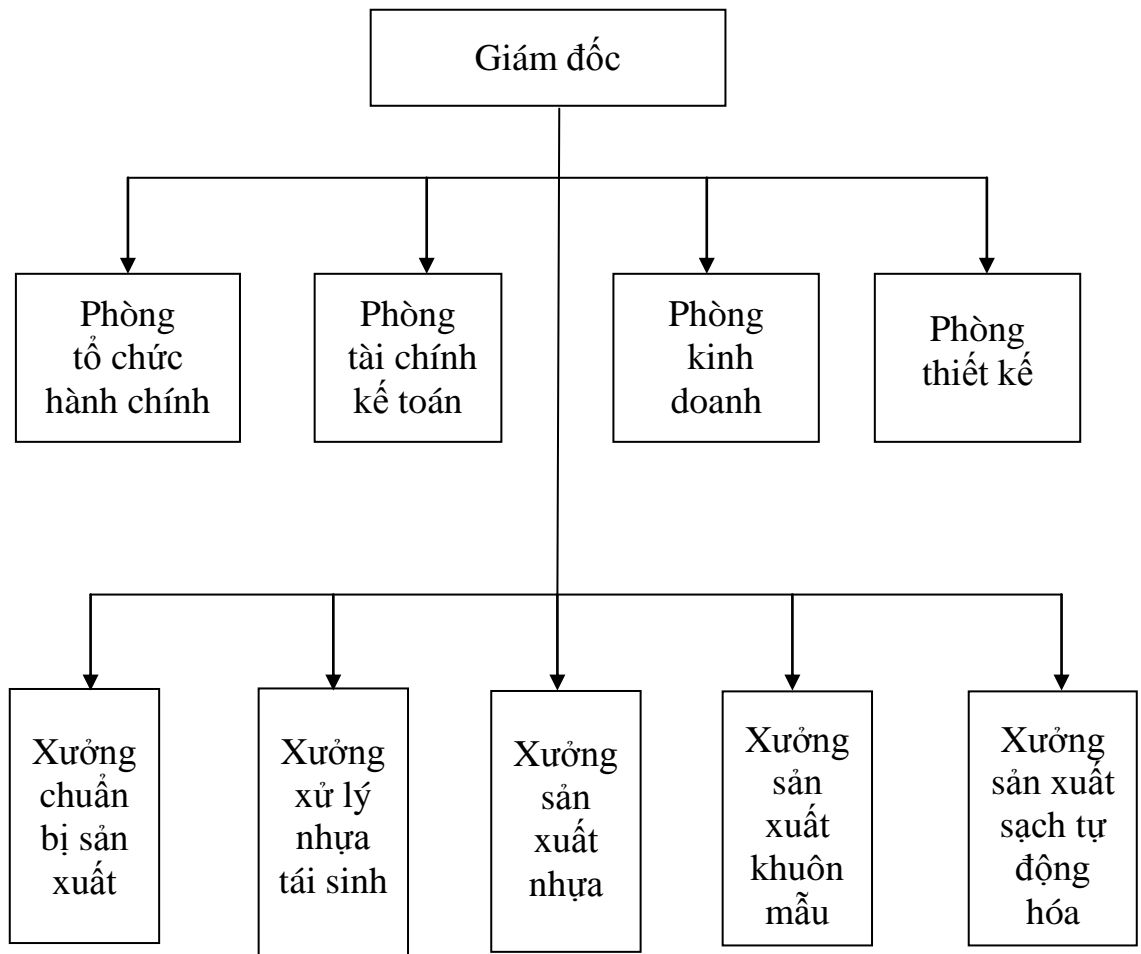
- Nhập kho: Sau khi sản phẩm đã hoàn thiện, đóng gói thì được nhập vào kho

Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất



2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Doanh nghiệp

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty



❖ Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của bộ máy quản lý

Là một doanh nghiệp tư nhân nên cơ cấu tổ chức của công ty TNHH nhựa Ngọc Hải đơn giản, gọn nhẹ

Giám đốc: Là ông Trần Hồng Nhật là người điều hành chính và cao nhất ở công ty, là đại diện pháp luật của công ty, là chủ tài khoản Ngân hàng, là người ra quyết định kinh doanh, xem xét và ký các hợp đồng mua bán.

Các phòng ban chức năng được tổ chức quản lý theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

Phòng tổ chức hành chính: Theo dõi, sắp xếp cán bộ Công nhân viên trong công ty cho phù hợp. Lập kế hoạch tiền lương và các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định. Đồng thời theo dõi quá trình thực hiện giải quyết các chính sách hưu trí, lao động.

Phòng tài chính kế toán: Có nhiệm vụ hoàn thành các công tác kế toán. Kế toán trưởng có nhiệm vụ phân công công tác cho các kế toán viên, báo cáo tình hình thu chi, tình hình thanh toán công nợ, phải thu, phải trả. Đồng thời trình kế hoạch thanh toán công nợ lên Giám Đốc để có được kế hoạch cụ thể. Cuối năm là người lên báo cáo tài chính, hoàn thiện sổ sách kế toán

Phòng kinh doanh: Bao gồm bộ phận bán hàng, bộ phận thu mua, bộ phận giao nhận. Các nhân viên chịu sự chỉ đạo của trưởng phòng thực hiện các công việc giao nhận hàng, thu mua hàng. Phòng này tham mưu cho giám đốc về tổ chức kinh doanh thương mại tại các thị trường trong và ngoài nước cũng như công tác về xuất nhập khẩu. Công tác cung cấp vật tư, trang thiết bị máy móc để hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, ổn định: Phòng kinh doanh có hai bộ phận là phòng kế hoạch vật tư và phòng xuất nhập khẩu

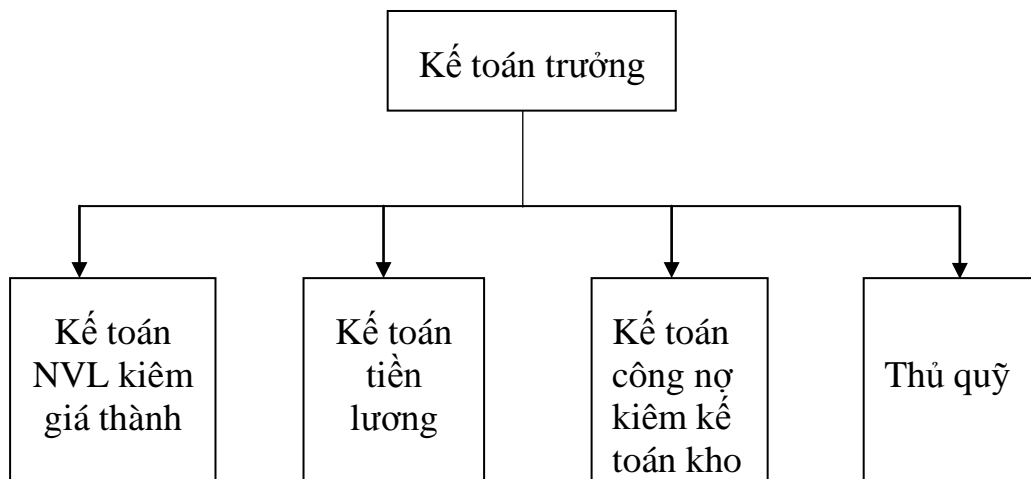
Phòng kế hoạch vật tư: Có nhiệm vụ khai thác thị trường, xây dựng kế hoạch sản xuất ngắn và dài hạn. Đồng thời phối hợp với phòng thiết kế sản phẩm, phòng tài chính kế toán xây dựng các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tổ chức công tác quản lý kho tàng bên bãi nhà xưởng của công ty.

Phòng xuất nhập khẩu: Có nhiệm vụ giao dịch với các cơ quan công ty trong và ngoài nước để thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa.

Phòng thiết kế: Chịu trách nhiệm toàn bộ về mặt kỹ thuật các sản phẩm của công ty, thiết kế các sản phẩm và lập yêu cầu về vật tư cần cung cấp cho sản phẩm.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán ở công ty.



Kế toán trưởng: Là người phân công công việc, kiểm tra các kế toán viên. Quản lý và xử lý các chứng từ sổ sách, lên và báo cáo các kế hoạch thu chi để ban lãnh đạo biết đầy đủ và chi tiết các thông tin về tình hình tài chính của công ty. Cuối năm kế toán trưởng có trách nhiệm lên báo cáo tài chính, hoàn thiện sổ sách với sự giúp đỡ của các kế toán viên. Là người kiểm tra trước các chứng từ thanh toán nội bộ của công ty và các đề nghị thanh toán ở bên ngoài.

Kế toán nguyên vật liệu: Tiến hành theo dõi, phản ánh số lượng, chất lượng nguyên vật liệu, tình hình nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu. Và công tác tính giá thành cho các sản phẩm.

Kế toán tiền lương: Có nhiệm vụ tính lương cho cán bộ công nhân viên ở công ty. Đồng thời phản ánh, tính và trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho công nhân viên.

Kế toán công nợ kiêm kế toán kho: Theo dõi công nợ phải thu cũng như phải trả, công nợ vay tiền, vay hàng. Đồng thời có nhiệm vụ như một văn thư văn phòng: Lưu giữ các công văn được gửi đến, công văn gửi đi. Kiểm tra các hợp đồng mua bán và theo dõi tình hình thực hiện các hợp đồng đó. Kế toán công nợ phải lên được kế hoạch thu nợ và thanh toán nợ cho khách hàng, có nhiệm vụ nhắc khách hàng khi các khoản nợ đến hạn. Kế toán này kiêm thêm chức năng là kế toán kho theo dõi hàng nhập, xuất và tồn kho, có nhiệm vụ thông báo thường xuyên đến bộ phận kinh doanh của phòng kinh doanh.

Thủ quỹ: Có nhiệm vụ thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu, chứng từ chi, giấy tạm ứng. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định vào ngày 31 tháng 12 năm N.

2.1.5 Tổ chức công tác kế toán

2.1.5.1 Hệ thống chứng từ kế toán

- + Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu 02 - VT)
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- + Biên bản kiểm kê hàng hóa (Mẫu 08 – VT)

+ Hóa đơn GTGT (Mẫu 01 - GTKT - 02)

+ Hóa đơn bán hàng

+ Hóa đơn vận chuyển

Đối với các chứng từ này phải lập kịp thời, đầy đủ, hợp pháp, hợp lý của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh trong chứng từ.

Ngoài các chứng từ sử dụng bắt buộc theo quy định của nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ hướng dẫn:

+ Phiếu xuất vật tư theo hạn mức

+ Biên bản kiểm nghiệm

+ Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ

2.1.5.2 Hệ thống tài khoản kế toán

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006

2.1.5.3 Hệ thống sổ sách kế toán

Sổ nhật ký chung

Sổ cái

Thẻ kho

Sổ chi tiết

Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu

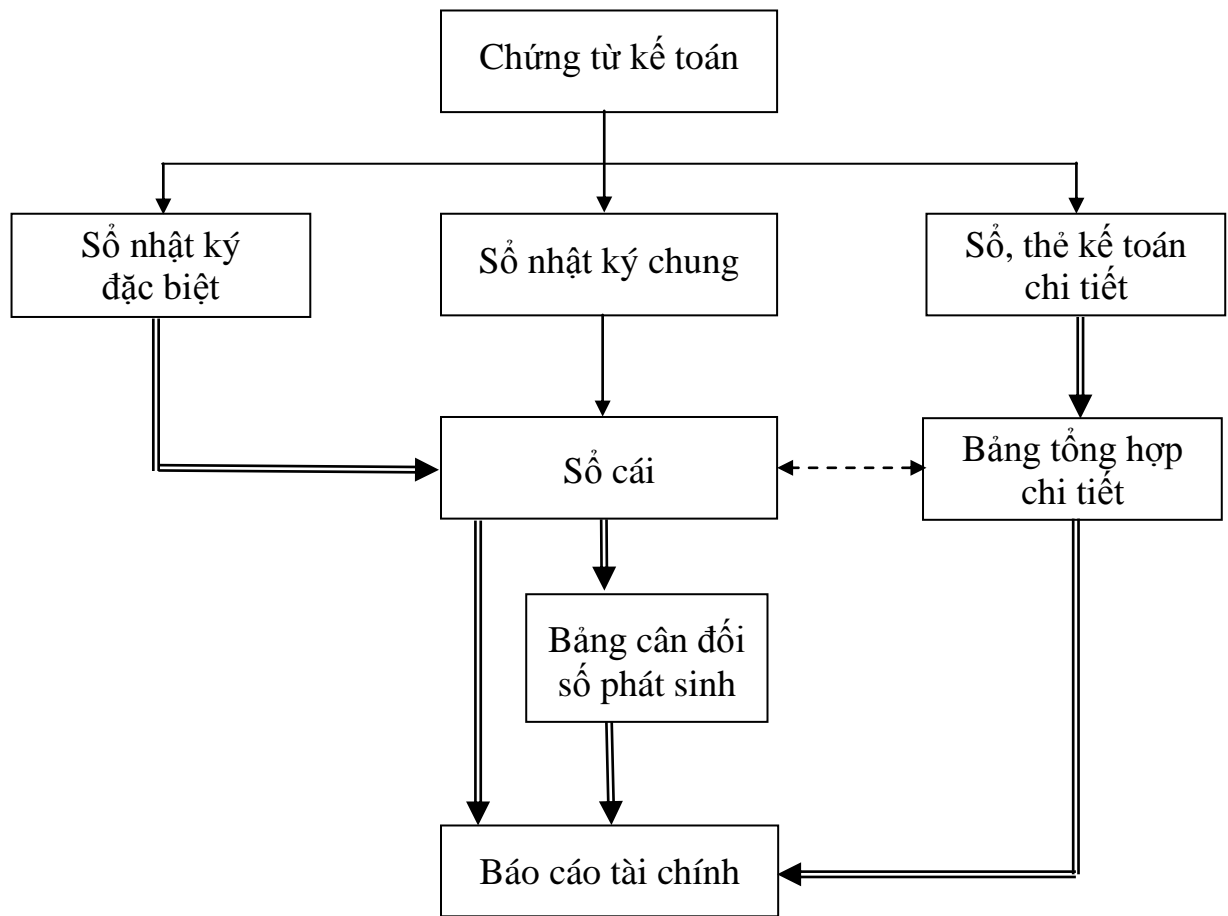
Bảng phân bổ NL, VL, CCDC

2.1.5.4 Trình tự ghi sổ kế toán

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung theo sơ đồ 2.4

Sơ đồ 2.4

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG**



- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Sau khi hàng nhập kho hoặc xuất kho đủ kế toán căn cứ vào các chứng từ có liên quan viết phiếu nhập kho hoặc xuất kho. Sau đó chuyển xuống cho thủ kho, thủ kho sử dụng phiếu nhập kho hoặc xuất kho để ghi vào thẻ kho và sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi vào sổ kế toán. Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung Sổ chi tiết, Sổ cái, Sổ tổng hợp. Cuối tháng cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp với số liệu ghi trên sổ cái, sổ tổng hợp lập báo cáo tài chính vào cuối năm.

2.1.5.5 Chính sách sổ kế toán áp dụng tại công ty

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/ 01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Kế toán VAT theo phương pháp khấu trừ
- Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp: Nhập trước xuất trước
- Hệ thống báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả kinh doanh

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải

2.2.1 Phân loại nguyên vật liệu

Căn cứ vào vai trò, tác dụng của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh. Và đồng thời để tiện cho công tác quản lý chúng được chia thành các loại sau:

Nguyên vật liệu chính là những nguyên vật liệu cấu thành nên thực thể sản phẩm chính của công ty như: Nhựa PP, PE, PVC, ABS, CA, sợi đay, sợi tơ, bột gỗ,

Nguyên vật liệu phụ: Bao gồm như sơn các màu, chất đóng rắn...

Nhiên liệu: Là các loại sử dụng để cung cấp chất đốt như các loại xăng A92, dầu hỏa, dầu máy, xăng công nghiệp, dầu diezen, hóa chất lau bề mặt nhựa IPA...

Phụ tùng thay thế: Bao gồm các phụ tùng chi tiết máy, thiết bị máy như phụ tùng thay thế của máy chế tạo khuôn mẫu, máy thổi chai một lớp, nhiều lớp...

Vật liệu và các thiết bị xây dựng cơ bản như: Bao gồm các loại vật tư cho sửa chữa nhà xưởng và các công trình xây dựng cơ bản như: Gạch, sắt, thép...

Phế liệu thu hồi: Bao gồm các loại vật liệu bị loại ra trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty: Các sản phẩm không phù hợp bao gồm phoi liệu, bavias.

2.2.2 Tính giá nguyên vật liệu

2.2.2.1 Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên vật liệu nhập kho của công ty phần lớn là do bên ngoài cung cấp, vậy trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho có thể tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{mua vào} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{theo hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua thực tế} \\ \text{phát sinh} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu thương} \\ \text{mại giảm giá hàng} \\ \text{mua được hưởng} \end{array}$$

Công ty là đơn vị kế toán áp dụng theo phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Nếu chi phí vận chuyển bốc dỡ do bên bán chịu thì giá thực tế nhập kho nguyên vật liệu chính là giá mua ghi trên hóa đơn GTGT.

Ví dụ

Ngày 26/12/2008 công ty mua 1 lô nguyên vật liệu gồm 15.102 kg nhựa PP của công ty TNHH Thanh Tùng với giá là: 31.000đ/kg (Chưa có VAT 10%), chi phí vận chuyển bốc dỡ do bên bán chịu. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt,

Trị giá thực tế NVL nhập kho:

$$\text{Nhựa PP} = 31.000 * 15.102 = 468.162.000 \text{ đồng}$$

2.2.2.2 Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Việc xuất kho nguyên vật liệu tại công ty chủ yếu phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm. Để tính giá vốn nguyên vật liệu xuất kho, kế toán tại công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp “nhập trước, xuất trước”. Theo phương pháp này thì số nguyên vật liệu nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Phương pháp này giúp công tác hạch toán thống nhất theo thời gian, cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu một cách kịp thời.

Ví dụ:

Tình hình nhập, xuất, tồn kho của Sợi lanh trong tháng 12 năm 2008 như sau:

Tồn đầu tháng: 2.164 kg

Ngày 09/12/2008: Nhập 8.654 kg với đơn giá là 36.000 đồng / kg

Ngày 11/12/2008: Xuất 10.803 kg với đơn giá xuất là: 2.164 kg là 35.000 đồng / kg, 8.639 kg là 36.000 đồng / kg

Trị giá xuất kho là $35.000 * 2.164 + 36.000 * 8.639$

$$= 75.740.000 + 311.004.000 = 386.744.000 \text{ đồng}$$

Ngày 25/12/2008: Nhập 6.886 kg với đơn giá là 36.000 đồng / kg

Ngày 28/12/2008: Xuất 1.843 kg

Trị giá xuất kho là: $36.000 * 1.834 = 66.024.000 \text{ đồng}$

Vậy tổng cộng trị giá xuất kho

$$\text{Sợi lanh: } 386.744.000 + 66.024.000 = 452.768.000 \text{ đồng}$$

2.2.3 Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu

2.2.3.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Khi có đơn đặt hàng mới về và dự kiến nhu cầu vật tư phát sinh cho các hợp đồng sản xuất sản phẩm nhựa. Phòng cung ứng vật tư yêu cầu phòng thiết kế sản phẩm cung cấp các số liệu định mức vật tư cho từng loại sản phẩm đồng thời xem xét số lượng sản phẩm nhựa trong các hợp đồng cung cấp cho khách hàng để từ đó xác định kế hoạch thu mua nguyên vật liệu và lập tờ trình gửi lên cho Giám đốc ký kèm theo bản phác thảo kế hoạch thu mua chờ quyết định của giám đốc.

Giám đốc xem xét kế hoạch thu mua và ký vào tờ trình. Phòng cung ứng vật tư phân công người có nhiệm vụ tìm nhà cung cấp và thực hiện ký các hợp đồng cung ứng vật tư phục vụ sản xuất. Sau khi các hợp đồng cung ứng vật tư được ký kết bên bán giao hàng theo thời gian, địa điểm như trong thỏa thuận Nguyên vật liệu được kiểm nhận về số lượng cũng như chất lượng, chủng loại đúng như thỏa thuận trong hợp đồng cung ứng rồi được nhập kho. Thủ kho cùng người giao hàng ký nhận vào phiếu nhập kho. Phiếu này được lập thành hai liên:

Liên 1: Lưu tại phòng lập phiếu

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán

Liên 3: Người giao hàng giữ

Tùy từng trường hợp thỏa thuận trong hợp đồng mà tiến hành thanh toán ngay cho nhà cung cấp hay thanh toán sau một thời gian nhất định. Hóa đơn được chuyển đến cho kế toán công nợ và thanh toán để ghi sổ kế toán nếu chưa thanh toán ngay và được chuyển đến cho kế toán tiền nếu thanh toán ngay cho người bán.

2.2.3.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Khi có nhu cầu về vật tư phục vụ sản xuất bộ phận cử người lên phòng cung ứng vật tư đề nghị xuất kho cho sản xuất sản phẩm. Phòng cung ứng vật tư xem xét yêu cầu của bộ phận sản xuất hẹn trả lời sau một thời gian nhất định rồi lập lệnh xuất kho trình giám đốc ký duyệt

Sau khi lệnh xuất kho được giám đốc ký duyệt thì được chuyển lại cho phòng cung ứng vật tư. Phòng cung ứng vật tư giao lệnh này cho bộ phận sản xuất, lệnh xuất kho được bộ phận sản xuất mang xuống kho để yêu cầu thủ kho xuất kho

nguyên vật liệu. Sau khi xuất kho thủ kho cùng người nhận nguyên vật liệu ký vào phiếu xuất kho, phiếu xuất kho được lập làm hai liên

Liên 1: Lưu tại phòng lập phiếu

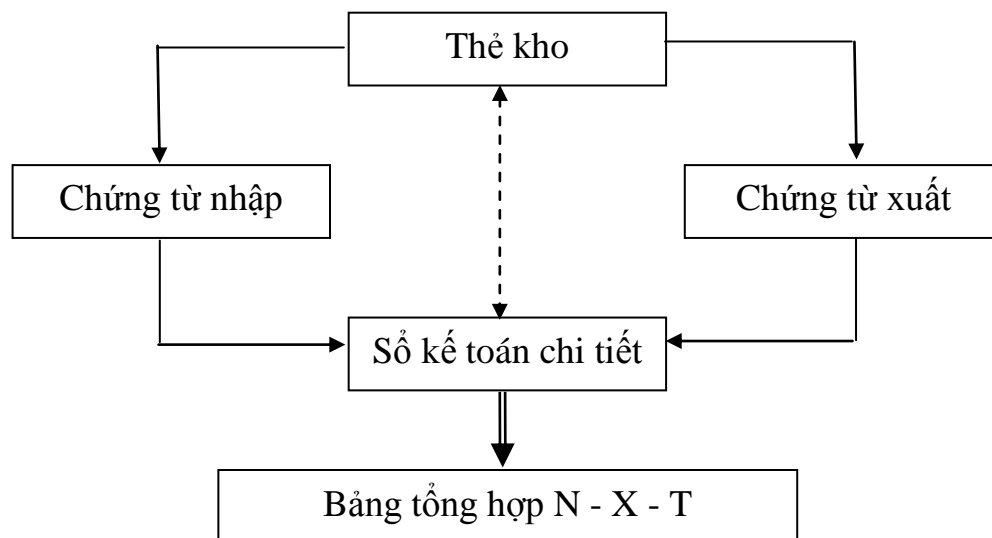
Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán

Liên 3: Phân xưởng nhận vật tư giữ

2.2.4 Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là nội dung quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Do tính phức tạp của nguyên vật liệu trong quá trình sử dụng và quản lý nên công ty TNHH nhựa Ngọc Hải đã lựa chọn phương pháp ghi thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu. Công việc này được thực hiện đồng thời ở kho và phòng kế toán. Theo phương pháp này, trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty được thể hiện trong sơ đồ 2.5

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải



- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Tại kho: Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ nhập xuất kho thủ kho tiến hành ghi vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng nguyên vật liệu, thẻ này được mở một lần và dùng trong cả năm để theo dõi về số lượng tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu. Mỗi ngày thủ kho phải tính ra lượng nhập, xuất, tồn kho trên mỗi thẻ kho nhằm phục vụ cho công tác quản lý và lập kế hoạch thu mua của phòng cung ứng vật tư được chính xác và hiệu quả, đồng thời đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho nhân viên kế toán vật tư tiến hành hạch toán nguyên vật liệu.

Tại phòng kế toán: Để đảm bảo chất lượng của công tác kiểm tra kế toán định kỳ khoảng 3 đến 5 ngày kế toán xuống kho một lần để ký nhận vào thẻ kho và nhận chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho. Sau đó căn cứ vào chứng từ kế toán ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng lấy số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu để ghi vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu.

Ví dụ 1:

* Ngày 09 tháng 12 năm 2008 công ty TNHH nhựa Ngọc Hải đặt mua 8.654 kg sợi lanh của công ty TNHH Minh Thắng với giá là 36.000đ/kg. Tổng giá trị của lô hàng này là 311.544.000 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Công ty TNHH Minh Thắng đã cho người giao hàng theo như thỏa thuận, hàng nhập kho đủ, công ty thanh toán bằng tiền mặt cho người bán.

Căn cứ vào yêu cầu mua hàng của công ty TNHH Phú Gia (Biểu số 2.1) phòng vật tư lập tờ trình lên giám đốc (Biểu số 2.2), rồi xin báo giá của bạn hàng và hội đồng duyệt giá (Biểu số 2.3) của công ty.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0003446 (Biểu số 2.4), nguyên vật liệu khi mua về công ty sẽ được tiến hành kiểm nhập theo biên bản kiểm nhập (Biểu số 2.5) và viết phiếu nhập kho số 170 (Biểu số 2.6)

* Ngày 11 tháng 12 năm 2008 xuất kho Sợi lanh cho sản xuất sản phẩm nhựa WPC theo phiếu xuất số 167 với số lượng là 10.803 kg trị giá là 386.744.000đồng

Căn cứ vào yêu cầu xuất kho nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm của phân xưởng nhựa ngày 11 tháng 12 năm 2008 (Biểu số 2.7). Sau khi đã được sự thỏa thuận của Giám đốc, kế toán viết phiếu xuất kho số 167 (Biểu số 2.8) và thủ kho tiến hành xuất kho nguyên vật liệu.

Từ các phiếu nhập, phiếu xuất kho thủ kho ghi nhận vào thẻ kho (Biểu 2.9) đồng thời kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết Sợi lanh (Biểu 2.10). Cuối tháng từ sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp TK 152 (Biểu 2.18).

Biểu số 2.1

YÊU CẦU MUA HÀNG

Tên khách hàng: Công ty TNHH Phú Gia

Địa chỉ: Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội

Lý do tiêu thụ: Bán hàng

Số TT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tấm sàn chịu lực cao	m ²	1.200	
2	Tấm trần và vách	m ²	1.500	

Ngày 05 tháng 12 năm 2008

Phòng kinh doanh

Giám đốc

Biểu số 2.2:

TỜ TRÌNH

Kính gửi: Giám đốc công ty TNHH nhựa Ngọc Hải

Căn cứ vào yêu cầu mua hàng của công ty TNHH Phú Gia ngày 05 tháng 12 năm 2008

Phòng kế hoạch vật tư đề nghị Giám đốc cho mua một số loại vật tư để phục vụ cho quá trình sản xuất như sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng mua
1	Sợi lanh	Kg	8.654

Kính đề nghị đồng chí Giám đốc quan tâm xem xét và cho ý kiến chỉ đạo để các phòng ban có cơ sở triển khai thực hiện

Ngày 06 tháng 12 năm 2008

Giám đốc

Phòng kế hoạch vật tư

Biểu số 2.3

BIÊN BẢN DUYỆT GIÁ MUA

- Căn cứ vào tờ trình của phòng kinh doanh đã được Giám đốc ký ngày 06 tháng 12 năm 2008

- Theo báo giá bán hàng của nhà cung cấp. Sau khi nghiên cứu giá cả thị trường, hội đồng duyệt giá Công ty thống nhất duyệt giá mua hàng như sau:

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng		Đơn giá			Ghi chú
			Tờ trình mua	Hội đồng duyệt giá	Công ty TNHH Minh Thắng	Công ty TNHH Việt Quang	Hội đồng duyệt giá	
1	Sợi lanh	Kg	8.654	8.654	36.000	36.500	36.000	

Ghi chú: + Đơn giá trên chưa bao gồm VAT 10%

+ Mua của công ty TNHH Minh Thắng

+ Trong đơn giá đã bao gồm cả chi phí vận chuyển

Ngày 08 tháng 12 năm 2008

Các thành viên hội đồng giá

Chủ tịch hội đồng giá

Biểu số 2.4

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 09 tháng 12 năm 2008			Mẫu số: 01-GTKL-3LL DB/2008B 0003446		
Đơn vị bán hàng: C.TY TNHH MINH THẮNG Địa chỉ: PHƯƠNG MAI, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI Số tài khoản: MST: 0101802616					
Điện thoại: MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Nhựa Ngọc Hải Địa chỉ: Số 18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Sợi lanh	Kg	8.654	36.000	311.544.000
Cộng tiền hàng:					311.544.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			31.154.400
Tổng cộng tiền thanh toán:					342.698.400
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm chín tám nghìn, bốn trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.5

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 09 tháng 12 năm 2008

Số: 06

- Căn cứ hợp đồng mua bán số 06 ngày 09 tháng 12 năm 2008 giữa công ty TNHH nhựa Ngọc Hải với công ty TNHH Lam Sơn

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông Nguyễn Việt Cường - Trưởng phòng kinh doanh - Trưởng ban

+ Ông Bùi Hữu Hưởng - Trưởng phòng KCS - Ủy viên

+ Đặng Khánh Ngọc - Trưởng phòng kế toán - Ủy viên.

+ Lê Văn Thương - Thủ Kho - Ủy Viên

+ Trần Việt Hòa - Người giao hàng - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

Số TT	Tên, nhãn hiệu, qui cách vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng qui cách, phẩm chất	Số lượng không đúng qui cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Sợi lanh			Kg	8.654	8.654	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng mua đủ điều kiện nhập kho

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Biểu số 2.6

CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI
18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO

Liên: 1
Ngày 09 tháng 12 năm 2008

Số: PN 170

Nợ: 152

Có: 111

Đơn vị/Họ tên: Công ty TNHH Minh Thắng

MST: 0101802616

Địa chỉ: Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Ngày: 09/12/2008

Theo chứng từ số: 0003446

Lý do nhập:

Nhập tại kho: Kho vật tư

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	MH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	Sợi lanh	L	Kg	8.654	36.000	311.544.000
	Cộng			26.150		311.544.000

Giám đốc

Kế toán

Thủ kho

Người giao hàng

Biểu số 2.7

ĐƠN XIN CẤP VẬT TƯ

Tên tôi là: Trần Thanh Tâm

Bộ phận: Phân xưởng sản xuất nhựa

Kính trình ban lãnh đạo duyệt cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Sợi lanh	Kg	10.803	

Ngày 11 tháng 12 năm 2008

Người xin

Kế toán trưởng

Lãnh đạo duyệt

Biểu 2.8

CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI
18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số: PX 167

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ: 621

Liên: 1

Có: 152

Ngày 11 tháng 12 năm 2008

MST:

Đơn vị/Họ tên: Trần Thanh Tâm

Ngày: 11/12/2008

Địa chỉ: Phân xưởng sản xuất nhựa

Lý do xuất: Sản xuất sp

Theo chứng từ số

Xuất tại kho: Kho vật tư

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	MH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	Sợi lanh	L	Kg	2.164	35.000	75.740.000
				8.639	36.000	311.004.000
	Cộng			10.803		386.744.000

Giám đốc

Kế toán

Thủ kho

Người giao hàng

Biểu số 2.9

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 09/12/08

Tờ số: 11

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Sợi lanh

Đơn vị tính: kg

Mã số: L

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				SDDK(T12/08)				2.164
1	09/12	PN170		Mua sợi lanh NK	09/12	8.654		10.818
2	11/12		PX167	Xuất cho sxsp	11/12		10.803	15
3	25/12	PN179		Mua sợi lanh NK	25/12	6.886		6.901
4	28/12		PX181	Xuất cho sxsp	28/12		1.834	5.067
				Cộng cuối kỳ				5.067

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.10

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tài khoản: 152

Tên kho: Kho vật tư

Năm: 2008

Tên quy cách vật liệu: Sợi lanh

Mẫu số vật liệu: L

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		SDDK (T12/2008)							2.164	75.740.000
PN170	09/12	Mua sợi lanh nhập kho	111	36.000	8.654	311.544.000			10.818	387.284.000
PX167	11/12	Xuất cho sản xuất sp	621	35.000			2.164	75.740.000	8.654	311.544.000
				36.000			8.639	311.004.000	15	540.000
PN179	25/12	Mua sợi lanh nhập kho	331	36.000	6.886	247.896.000			6.901	248.436.000
PX181	28/12	Xuất cho sản xuất sp	621	36.000			1.834	66.024.000	5.067	182.412.000
		Cộng phát sinh			14.540	559.440.000	12.637	452.768.000		
		SDCK							5.067	182.412.000

Ví dụ 2:

* Ngày 12 tháng 12 năm 2008 công ty TNHH nhựa Ngọc Hải mua 1.150 kg bột gỗ của công ty cổ phần Thiên Trường với đơn giá là 154.600 đồng/kg, Tổng trị giá của lô hàng là 177.790.000 đồng (Chưa bao gồm VAT 10%). Công ty cổ phần Thiên Trường đã cho người giao hàng theo như thỏa thuận.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0006405 (Biểu số 2.11), nguyên vật liệu khi mua về công ty sẽ được tiến hành kiểm nhập theo biên bản kiểm nhập (Biểu số 2.12) và viết phiếu nhập kho số 171 (Biểu số 2.13)

* Ngày 15 tháng 12 năm 2008 xuất kho 1.200 kg bột gỗ cho sản xuất sản phẩm vật liệu gỗ nhựa WPC , tổng trị giá của lô hàng là 185.288.602 đồng.

Căn cứ vào yêu cầu xuất kho nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm của phân xưởng nhựa ngày 15 tháng 12 năm 2008 (Biểu số 2.14). Sau khi đã được sự thỏa thuận của Giám đốc, kế toán viết phiếu xuất kho số 169 (Biểu số 2.15) và thủ kho tiến hành xuất kho nguyên vật liệu.

Từ phiếu nhập, phiếu xuất kho thủ kho ghi nhận vào thẻ kho (Biểu 2.16) đồng thời kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết bột gỗ (Biểu 2.17). Cuối tháng từ sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết TK 152 (Biểu 2.18)

Biểu số 2.11

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 12 tháng 12 năm 2008			Mẫu số: 01-GTKL-3LL PL/2008B 0006405		
Đơn vị bán hàng: C.TY CP THIÊN TRƯỜNG Địa chỉ: HƯNG THỊNH, BÌNH GIANG, HẢI DƯƠNG Số tài khoản: MST: 0102349205					
Điện thoại: MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Nhựa Ngọc Hải Địa chỉ: Số 18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Bột gỗ	Kg	1.150	154.600	177.790.000
Cộng tiền hàng:					177.790.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			17.779.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					195.569.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm chín lăm triệu, năm trăm sáu chín nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.12

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 12 tháng 12 năm 2008

Số: 08

- Căn cứ hợp đồng mua bán số 08 ngày 12 tháng 12 năm 2008 giữa công ty TNHH nhựa Ngọc Hải với công ty cổ phần Thiên Trường

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông Nguyễn Việt Cường - Trưởng phòng kinh doanh - Trưởng ban

+ Ông Bùi Hữu Hưởng - Trưởng phòng KCS - Ủy viên

+ Đặng Khánh Ngọc - Trưởng phòng kế toán - Ủy viên.

+ Lê Văn Thương - Thủ Kho - Ủy Viên

+ Hoàng Thanh Phương - Người giao hàng - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

Số TT	Tên, nhãn hiệu, qui cách vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng qui cách, phẩm chất	Số lượng không đúng qui cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Bột gỗ			kg	1.150	1.150	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng mua đủ điều kiện nhập kho

Đại diện kỹ thật

Thủ kho

Trưởng ban

Biểu số 2.13

CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI
18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO

Liên: 1

Ngày 12 tháng 12 năm 2008

Số: PN 171

Nợ: 152

Có: 111

Đơn vị/Họ tên: Công ty cổ phần Thiên Trường

Địa chỉ: Hưng Thịnh, Bình Giang, Hải Dương

Theo chứng từ số: 0006405

Nhập tại kho: 01

MST: 0102349205

Ngày: 12/12/2008

Lý do nhập:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	MH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	Bột gỗ	G	Kg	1.150	154.600	177.790.000
	Cộng			1.150		177.790.000

Giám đốc

Kế toán

Thủ kho

Người giao hàng

Biểu số 2.14

ĐƠN XIN CẤP VẬT TƯ

Tên tôi là: Trần Thanh Tâm Bộ phận: Xưởng nhựa

Kính trình ban lãnh đạo duyệt cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bột gỗ	Kg	1.200	

Ngày 15 tháng 12 năm 2008

Người xin

Kế toán trưởng

Lãnh đạo duyệt

Biểu 2.15

CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI

18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Số: PX 169

Liên: 1

Nợ: 621

Ngày 15 tháng 12 năm 2008

Có: 152

Đơn vị/Họ tên: Trần Thanh Tâm

MST:

Địa chỉ: Phân xưởng sản xuất nhựa

Ngày: 15/12/2008

Theo chứng từ số

Lý do xuất: Sản xuất sp

Xuất tại kho: Kho vật tư

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	MH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	Bột gỗ		Kg	59	150.678	8.890.002
				1.141	154.600	176.398.600
	Cộng			1.200		185.288.602

Giám đốc

Kế toán

Thủ kho

Người giao hàng

Biểu số 2.16

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 11/12/08

Tờ số: 08

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Bột gỗ

Đơn vị tính: kg

Mã số: BG

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	xuất	Tồn
				SDDK(T12/08)				59
1	12/12	PN171		Mua bột gỗ NK		1.150		1.209
2	14/12	PN173		Mua bột gỗ NK	14/12	1.100		2.309
3	15/12		PX169	Xuất cho sxsp	15/12		1.200	1.109
4	20/12		PX174	Xuất cho sxsp	20/12		496	613
				Cộng cuối kỳ				613

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.17

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tài khoản: 152

Tên kho: Kho vật tư

Năm: 2008

Tên quy cách vật liệu: Bột gỗ

Mẫu số vật liệu: BG

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		SDĐK (T12/2008)							59	8.890.002
PN171	12/12	Mua bột gỗ nhập kho	111	154.600	1.150	177.790.000			1.209	186.680.002
PN173	14/12	Mua bột gỗ nhập kho	331	154.600	1.100	170.060.000			2.309	356.740.000
PX169	15/12	Xuất cho sản xuất SP	621	150.678			59	8.890.002	2.250	347.850.000
				154.600			1.141	176.398.600	1.109	171.451.400
PX174	20/12	Xuất cho sản xuất SP	621	154.600			496	76.681.600	613	94.769.800
		Cộng phát sinh			2.250	347.850.000	1.696	261.970.202		
		SDCK							613	94.769.800

Biểu 2.18

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tài khoản: 152
Tháng 12 năm 2008

STT	Mã số	Diễn giải	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Đ	Sợi đay	Kg	8.276	285.522.000	62.969	2.203.915.000	31.059	1.082.927.000	40.186	1.406.510.000
2	PP	Nhựa PP	Kg	15.665	466.817.000	20.086	622.666.000	21.886	659.668.000	13.865	429.815.000
3	TN	Hạt nhựa trắng ngà	Kg	1.182	77.893.800	6.800	468.520.000	5.682	387.943.800	2.300	158.499.700
4	L	Sợi lanh	Kg	2.164	75.740.000	14.540	559.440.000	12.637	452.768.000	5.067	182.412.000
5	BG	Bột gỗ	Kg	59	8.890.002	2.250	347.850.000	1.696	261.970.202	613	94.769.800
										
		Cộng			19.445.975.570		4.976.460.890		3.604.415.590		22.068.021.654

Người ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Kế toán trưởng

2.2.5 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải

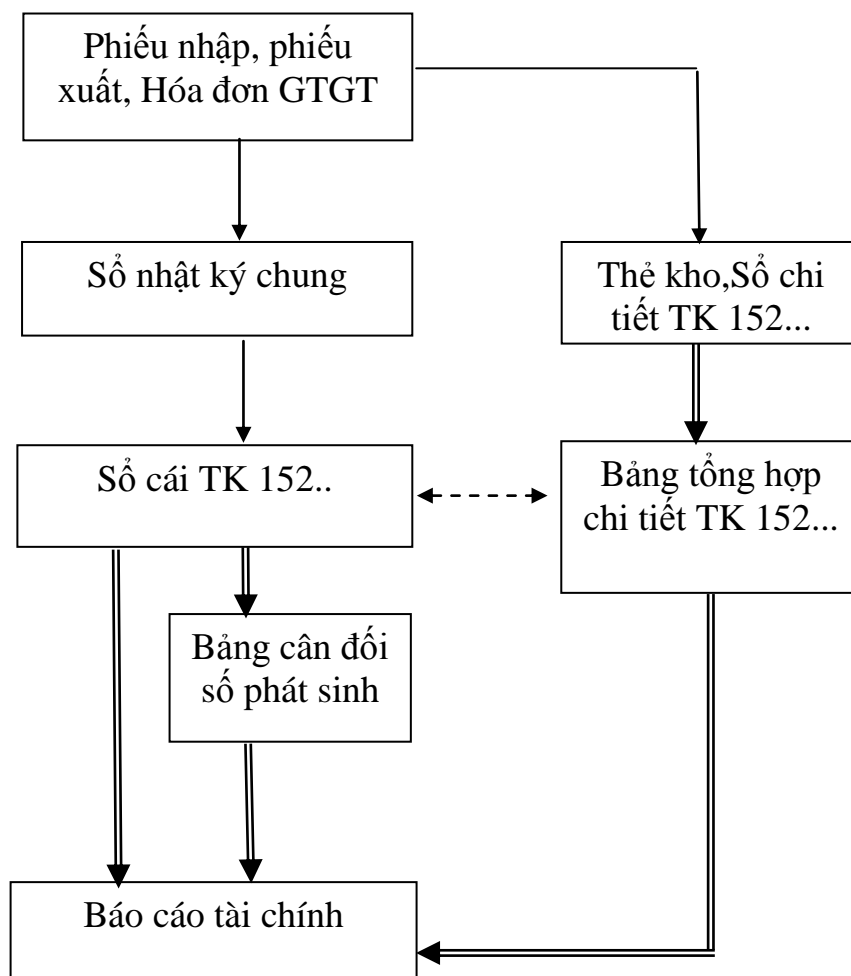
Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu

2.2.5.1 Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 152 để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu ngoài ra công ty còn sử dụng tài khoản khác có liên quan như: TK 111, TK331, TK 112...

2.2.5.2 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán tổng hợp NVL tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải



- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- - - - -> Quan hệ đối chiếu

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất, hóa đơn GTGT đã kiểm tra kế toán ghi vào sổ kế toán, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 152,... Đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ chi tiết TK 152, thẻ kho cho Sợi dây. Cuối tháng căn cứ số liệu trên Sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp TK 152...

Cuối tháng, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

❖ Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu

Như đã trình bày ở phần trước Nguyên vật liệu nhập kho của công ty chủ yếu do bên ngoài cung cấp nên tùy theo hình thức thanh toán nhanh hay chậm, bằng tiền mặt hay tiền gửi ngân hàng mà trình tự hạch toán tổng hợp trong các trường hợp này có sự khác nhau rõ rệt

Trường hợp 1: Mua nguyên vật liệu thanh toán bằng tiền mặt

Ví dụ: Ngày 26 tháng 12 năm 2008 mua nhựa PP của công ty TNHH Thanh Tùng đã thanh toán bằng tiền mặt số lượng là 15.102 kg với số tiền là 468.162.000 đồng (Chưa có VAT 10%)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001515 (Biểu 2.19), phiếu nhập kho số 180 (Biểu 2.20) thủ quỹ viết phiếu chi số 362 (Biểu 2.21) và tiến hành chi tiền yêu cầu người nhận ký vào phiếu chi. Cuối ngày thủ quỹ lập biên bản kiểm kê quỹ và gửi hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho cùng biên bản kiểm kê quỹ cho kế toán. Kế toán nhận các chứng từ này từ thủ quỹ và ghi vào các sổ nhật ký chung (Biểu 2.27), sổ cái TK 152 (Biểu 2.28)

Trường hợp 2: Mua nguyên vật liệu chưa trả tiền người bán

Ví dụ: Ngày 01 tháng 12 năm 2008 công ty TNHH nhựa Ngọc Hải mua 26.150 kg sợi dây với tổng trị giá của lô hàng này là 915.250.000 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT) công ty TNHH Sơn Lâm đã cho người giao hàng tận nơi theo thỏa thuận. Hàng nhập kho đủ, công ty chưa thanh toán tiền cho người bán.

Trường hợp này trình tự ghi sổ kế toán như sau:

Sau khi hàng nhập kho đủ thủ kho cùng người giao hàng ký vào phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được thủ kho sử dụng để ghi vào thẻ kho. Hóa đơn GTGT số 0001520 (Biểu 2.22) và Phiếu nhập kho số 166 (Biểu 2.23) được chuyển đến cho kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu 2.27), Sổ cái tài khoản 152 (Biểu 2.28).

Trường hợp 3: Mua nguyên vật liệu thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng

Ví dụ: Ngày 22 tháng 12 năm 2008 công ty TNHH nhựa Ngọc Hải có đặt mua 2.318 kg hạt nhựa trắng ngà với đơn giá là 68.900 đồng/ kg. Tổng trị giá của lô hàng là 159.710.200 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Công ty đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng

Sau khi ngân hàng thanh toán cho người bán xong sẽ gửi giấy báo Nợ về cho công ty. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT 0005319 (Biểu 2.24), Phiếu nhập kho số 176 (Biểu 2.25), Ủy nhiệm chi số 168 (Biểu 2.26) kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.27), Sổ cái TK 152 (Biểu 2.28).

Biểu số 2.19

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 26 tháng 12 năm 2008			Mẫu số: 01-GTKL-3LL MQ/2008B 0001515		
Đơn vị bán hàng:			CÔNG TY TNHH THANH TÙNG KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ KHÁNH THÁI BÌNH MST: 1000348696		
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Đặng Thành Trung					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Nhựa Ngọc Hải					
Địa chỉ: Số 18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Nhựa PP	kg	15.102	31.000	468.162.000
Cộng tiền hàng					468.162.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			46.816.200
Tổng cộng tiền thanh toán:					514.978.200
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm mười bốn triệu, chín trăm bảy tám nghìn, hai trăm đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.20

CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI

18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO

Số: PN 180

Liên: 1

Nợ: 152

Ngày 26 tháng 12 năm 2008

Có: 111

Đơn vị/Họ tên: Công ty TNHH Thanh Tùng

MST: 1000348696

Địa chỉ: Khu CN Phú Khánh Thái Bình

Ngày: 26 /12/2008

Theo chứng từ số: 0001515

Lý do nhập:

Nhập tại kho: Công ty

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	MH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	Nhựa PP	PP	Kg	15.102	31.000	468.162.000
	Cộng			15.102		468.162.000

Giám đốc

Kế toán

Thủ kho

Người giao hàng

Biểu số 2.21

CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI

Số 18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: 362

Ngày 26 tháng 12 năm 2008

Nợ: 152,133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền : Công ty TNHH Thanh Tùng

Địa chỉ : Khu CN Phú Khánh Thái Bình

Lý do nộp: : Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu

Số tiền : 514.978.200

Bằng chữ : Năm trăm mười bốn triệu, chín trăm bảy tám nghìn,
hai trăm đồng chẵn

Kèm theo : 01 HĐ 0001515 làm chứng từ gốc

Ngày 26 tháng 12 năm 2008

Thủ trưởng Kế toán trưởng

Người lập

Người nộp

Thủ quỹ

Nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Biểu số 2.22

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 01 tháng 12 năm 2008			Mẫu số: 01-GTKL-3LL MQ/2008B 0001520		
Đơn vị bán hàng:			CÔNG TY TNHH SƠN LÂM CỤM CN ĐÔNG LA, ĐÔNG HƯNG, THÁI BÌNH MST: 1000139388		
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại:					
MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Đặng Thành Trung Tên đơn vị: Công ty TNHH Nhựa Ngọc Hải Địa chỉ: Số 18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Sợi đay	kg	26.150	35.000	915.250.000
Cộng tiền hàng					915.250.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			91.525.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.006.775.000
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ,					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.23

CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI

18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO

Liên: 1

Ngày 01 tháng 12 năm 2008

Số: PN 166

Nợ: 152

Có: 331

Đơn vị/Họ tên: Công ty TNHH Sơn Lâm

MST: 1000139388

Địa chỉ: Cụm CN Đông La – Đông Hưng – Thái Bình

Ngày: 01 /12/2008

Theo chứng từ số: 0001520

Lý do nhập:

Nhập tại kho: Kho vật tư

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	MH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	Sợi đay		Kg	26.150	35.000	915.250.000
	Cộng			26.150		915.250.000

Giám đốc

Kế toán

Thủ kho

Người giao hàng

Biểu số 2.24

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 22 tháng 12 năm 2008			Mẫu số: 01-GTKL-3LL PL/2008B 0005319		
Đơn vị bán hàng:			C TY TNHH THANH CƯỜNG 45 MAI ĐỘNG, HOÀNG MAI, HÀ NỘI MST: 0101885455		
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Đặng Thành Trung Tên đơn vị: Công ty TNHH Nhựa Ngọc Hải Địa chỉ: Số 18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Hạt nhựa trắng ngà	Kg	2.318	68.900	159.710.200
Cộng tiền hàng					159.710.200
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					15.971.020
Tổng cộng tiền thanh toán:					175.681.220
Số tiền viết bằng chữ: Bốn bốn triệu, ba trăm năm một nghìn, bốn trăm năm mươi đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.25

CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI

18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO

Liên: 1

Ngày 22 tháng 12 năm 2008

Đơn vị/Họ tên: Công ty TNHH Thanh Cường

Địa chỉ: 45 Mai Động – Hoàng Mai – Hà Nội

Theo chứng từ số: 0005319

Nhập tại kho: Kho vật tư

Số: PN 176

Nợ: 152

Có: 112

MST: 0101885455

Ngày: 22 /12/2008

Lý do nhập:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	MH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	Bột nhựa màu trắng		Kg	2.318	68.900	159.710.200
	Cộng			2.318		159.710.200

Giám đốc

Kế toán

Thủ kho

Người giao hàng

Biểu số 2.26

ỦY NHIỆM CHI

CHUYÊN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THƯ, ĐIỆN TỬ

Lập ngày 22 tháng 12 năm 2008

Mẫu số C4-15/KB

Số 168

Đơn vị trả tiền: Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải

Tài khoản: 10201000632850

Tại KBNN (NH): Ngân hàng Công thương Lê Chân Hải Phòng

KBNN, NHA ghi

Nợ

Có

KHTK

Đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Thanh Cường

Tài khoản: 931020000004

Tại KBNN (NH): Ngân hàng Công thương Hà Nội

KBNNB, NHB ghi

Nợ

Có

KHTK

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền hàng

Số tiền ghi bằng số: **175.681.220**

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy lăm triệu, sáu trăm tám mốt

Nghìn, hai trăm hao mươi đồng chẵn

Đơn vị trả tiền

Ngân hàng A

Ngân Hàng B

Ghi sổ ngày.....

Ghi sổ ngày.....

Kế toán Chủ tài khoản

Kế toán Trưởng phòng kế toán

Kế toán Trưởng phòng kế toán

Biểu 2.27

CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI Số 18 Cầu Bình, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK		Số tiền
	SH	NT		N ợ	C ó	
1	HĐ0001520	01/12	Mua sợi đay nhập kho	152	331	915.250.000
				133	331	91.525.000
	PX162	04/12	Xuất sợi đay cho sxsp	621	152	1.082.927.000
	PC347	09/12	Mua sợi lanh nhập kho	152	111	311.544.000
				133	111	31.154.400
	PX167	11/12	Xuất sợi lanh cho sxsp	621	152	386.744.000
	HĐ0006405	12/12	Mua bột gỗ	152	331	177.790.000
				133	331	17.779.000
	PC350	14/12	Mua hạt nhựa ngà màu trắng	152	111	308.839.500
				133	111	38.883.950
	PX169	15/12	Xuất bột gỗ	621	152	185.288.602
	PX174	20/12	Xuất bột gỗ	621	152	76.681.600
	PX177	21/12	Xuất bột màu A14637	621	152	301.970.818
	UNC168	22/12	Mua hạt nhựa màu trắng	152	112	159.710.200
				133	112	15.971.020
	PC360	25/12	Mua sợi lanh nhập kho	152	111	247.896.000
				133	111	24.789.600
	PC362	26/12	Mua sợi đay nhập kho	152	111	1.288.665.000
				133	111	128.866.500
	PX181	28/12	Xuất sợi lanh	621	152	66.024.000
					
			Tổng cộng			76.073.302.580

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.28

CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI
18 Cầu Bính, Sở Dầu, Hồng Bàng, HP

SỔ CÁI

Năm: 2008
Tên TK: Nguyên liệu vật liệu
Số hiệu: 152

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	C ó
		SDDK(T12/08)		19.445.975.570	
HĐ0001520	01/12	Mua sợi đay nhập kho	331	915.250.000	
PC347	09/12	Mua sợi lanh nhập kho	111	311.544.000	
PX167	11/12	Xuất sợi lanh cho sxsp	621		386.744.000
HĐ0006405	12/12	Mua bột gỗ nhập kho	331	177.790.000	
PX169	15/12	Xuất bột gỗ cho sxsp	621		185.288.602
UNC168	22/12	Mua hạt nhựa trắng	112	159.710.200	
PC362	26/12	Mua sợi đay nhập kho	111	1.288.665.000	
				
		Cộng phát sinh		4.976.460.890	3.604.415.590
		SDCK		22.068.021.654	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Giám đốc

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu

Từ khi thành lập cho đến nay, công ty TNHH nhựa Ngọc Hải đã hoàn thiện và phát triển liên tục cả về quy mô và trình độ quản lý. Sản phẩm của công ty tạo ra ngày càng đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt là cho hoạt động xuất khẩu.

Trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi từ kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường dưới sự quản lý vĩ mô của Nhà nước thì sự cạnh tranh diễn ra giữa các Doanh nghiệp ngày càng gay gắt. Trước tình hình đó công ty đã không ngừng đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại, liên tục đổi mới công nghệ vào sản xuất để nâng cao chất lượng hạ giá thành sản phẩm. Đến nay các sản phẩm do công ty sản xuất ra đều ngày càng phong phú về mẫu mã chủng loại không ngừng chiếm lĩnh thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của khách hàng cả về giá cả và chất lượng.

Tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải chi phí chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy việc tổ chức tốt công tác kế toán nói chung, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của công ty.

Qua thời gian thực tập ở công ty, qua tìm hiểu thực tế em đã học hỏi được nhiều kiến thức bổ ích để củng cố thêm phần kiến thức đã được học ở trường. Qua đó em thấy công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải có những ưu điểm và những hạn chế sau:

3.1.1 Ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung: Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra và gửi về phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác hợp lý, hợp lệ

của chứng từ rồi tổng hợp ghi vào sổ kế toán. Mô hình này phù hợp với quy mô của công ty TNHH nhựa Ngọc Hải, nó đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, đối chiếu, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả và công ty đã đưa quyết định mới của Bộ tài chính vào áp dụng thực tế. Các cán bộ kế toán được phân công, phân nhiệm rõ ràng nên sự chuyên môn hóa rất cao, đảm bảo các phân hành tiến hành nhanh nhẹn, độ chính xác cao và đảm bảo khả năng cung cấp thông tin trung thực, hợp lý, kịp thời.

❖ Về hình thức sổ kế toán áp dụng:

Hiện nay công ty đang vận dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức sổ Nhật ký chung. Giữa các phân hành có quan hệ đối chiếu với nhau. Công ty đã áp dụng và tuân thủ theo những nguyên tắc chung về chế độ chứng từ kế toán từ khâu lập, kiểm tra, luân chuyển cho đến khâu xử lý, bảo quản chứng từ theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Phương pháp này đơn giản dễ thực hiện tránh được sự trùng lặp trong quá trình ghi sổ, phù hợp với trình độ năng lực và yêu cầu quản lý của công ty

❖ Về công tác thu mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu

+ Đối với khâu thu mua: Mặc dù yêu cầu về nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất có kết cấu phức tạp, đa dạng về chủng loại, đa dạng về quy cách phẩm cấp nhưng luôn được công ty đáp ứng kịp thời đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên liên tục. Làm được điều này phần lớn là do công ty đã có kế hoạch thu mua vật tư hợp lý trên cơ sở tính toán các định mức tiêu hao và nghiên cứu kỹ các hợp đồng kinh tế, năng động tìm nguồn cung cấp cùng với đó là sự phối hợp nhịp nhàng giữa phòng cung ứng vật tư, bộ phận sản xuất và phòng thiết kế để từ đó xác định chính xác nhu cầu nguyên vật liệu để có kế hoạch thu mua hợp lý, làm phát triển chất lượng của công tác thu mua cũng như tăng hiệu quả của công tác thu mua.

+ Đối với khâu bảo quản: Vật liệu trước khi đưa vào sản xuất thì dù ít hay nhiều đều chịu tác động của môi trường tự nhiên làm chúng bị hao hụt về mặt số

lượng và giám sát về mặt chất lượng. Tuy nhiên mức độ nhiều hay ít phụ thuộc lớn vào công tác bảo quản, cất trữ của mỗi doanh nghiệp. Vấn đề này được công ty đặc biệt quan tâm chú trọng. Để phục vụ công tác bảo quản nguyên vật liệu thì công ty đã trang bị hệ thống kho tàng, bến bãi khoa học hợp lý, tổ chức nguyên vật liệu và điều kiện bảo quản phù hợp với đặc tính của từng loại nguyên vật liệu do vậy nguyên vật liệu luôn được bảo quản trong điều kiện tốt nhất, đảm bảo về số lượng và chất lượng trong quá trình sản xuất. Mặt khác công ty lại có đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thủ kho giàu kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm với công việc nên hiệu quả công tác bảo quản càng cao tạo điều kiện giảm bớt các chi phí cho Doanh nghiệp ít bị hư hỏng thiếu hụt. Đây là điều đáng khen và cần được phát huy với các doanh nghiệp. Đặc biệt là đối Doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu dễ bị hao hụt.

+ Với khâu sử dụng: Thực tế việc sử dụng nguyên vật liệu tại công ty được quản lý rất chặt chẽ. Hàng năm công ty đều có kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu phòng sản xuất, phòng thiết kế, phòng kế hoạch vật tư của công ty đã xây dựng định mức vật tư cho từng chủng loại sản phẩm. Ở phòng sản xuất công ty đều có đội ngũ cán bộ thống kê theo dõi sự biến động của vật tư và lập báo cáo sản xuất. Khâu xuất kho nguyên vật liệu được quản lý rất chặt chẽ đảm bảo nguyên vật liệu xuất dùng đúng mục đích, đúng đối tượng, nâng cao hiệu quả quản lý với khâu sử dụng nguyên vật liệu.

❖ Về công tác hạch toán nguyên vật liệu:

Kế toán vật tư phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu, phù hợp với đặc trưng của ngành nhựa và theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Việc hạch toán nguyên vật liệu từ hạch toán chi tiết đến hạch toán tổng hợp đều được tiến hành rất đều đặn, đúng kỳ. Mặt khác do công ty hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên có nghĩa phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Phương pháp này phù hợp với tình hình biến động vật tư tại công ty và đảm bảo cung cấp thông tin chính xác về nguyên vật liệu tại bất kỳ thời điểm nào. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty đã áp dụng phương pháp thẻ song song.

Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra số liệu và cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán tổng hợp ngay cả khi có sự biến động của công ty diễn ra thường xuyên, liên tục. Đây là phương pháp phù hợp với điều kiện thực tế của công ty

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu mà công ty đạt được thì em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty còn có những hạn chế

* Công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất rất khó để mọi người nhận biết đâu là nguyên vật liệu chính đâu là nguyên vật liệu phụ. Do vậy công tác quản lý nguyên vật liệu chưa đạt hiệu quả tối ưu, khối lượng công việc nhiều. Các nguyên vật liệu chưa được phân định rõ ràng, tuy có phân loại nguyên vật liệu theo nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, phụ từng thay thế nhưng trên thực tế vẫn chưa làm triệt để việc phân loại này. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có được một hệ thống nguyên vật liệu được mã hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán.

* Về việc ứng dụng phần mềm: Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán. Nhưng máy tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên việc tính toán gặp khó khăn, dễ dẫn đến sai sót.

* Hạch toán nguyên vật liệu tại công ty còn nhiều vấn đề còn tồn tại bởi chủng loại nguyên vật liệu nhiều, chất lượng của mỗi loại lại khác nhau, việc xuất dùng cũng như nhập kho lại diễn ra thường xuyên liên tục lại tiến hành hạch toán thủ công chưa sử dụng phần mềm kế toán nên công việc của kế toán vật tư là khá lớn. Đồng thời nguyên vật liệu chính rất nhiều mà lại được theo dõi bình thường như các nguyên vật liệu khác bởi cùng một kế toán vật tư. Do vậy khối lượng công việc lớn phần nào gây áp lực ảnh hưởng đến chất lượng hạch toán kế toán. Điều đó phần nào hạn chế công việc kiểm tra theo dõi của kế toán, việc tính toán chi phí có

thể dẫn đến sai sót nhầm lẫn và không đảm bảo việc cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác, kịp thời cho công tác quản lý nguyên vật liệu nói riêng và công tác quản lý doanh nghiệp nói chung.

* Việc hạch toán nguyên vật liệu ở công ty còn mang thủ tục rườm rà. Như một số nguyên vật liệu mua về có thể dùng ngay cho sản xuất nhưng kế toán lại không hạch toán ngay vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp mà tiến hành thủ tục nhập kho sau đó xuất kho. Phương pháp này dẫn đến tốn nhiều thời gian, công sức

* Công ty chưa tiến hành trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi có những biến động về giá cả nguyên vật liệu thì công ty không có nguồn tài chính để bù đắp những tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Điều này có thể dẫn đến tình trạng không bảo tồn vốn kinh doanh của công ty, gây bất ổn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

* Khi cán bộ thu mua chịu trách nhiệm thanh toán trực tiếp với người bán đã làm giảm đi sự giám sát của kế toán trong việc quản lý giá mua và tình hình thanh toán công nợ với khách hàng. Hiện nay, do sự phát triển của nền kinh tế thị trường nên các đơn vị bán hàng thường có trích thưởng cho người mua hàng với số lượng lớn. Nhưng trên thực tế ở công ty chưa quản lý được khoản này.

* Về việc luân chuyển chứng từ, mọi chứng từ đều được luân chuyển theo đúng trình tự. Tuy nhiên giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất mát chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.1.3 Sự cần thiết của hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu

Việc chuyển đổi nền kinh tế nước ta từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là một xu hướng tất yếu khách quan. Trong điều kiện môi trường kinh doanh mới các doanh nghiệp Nhà nước nói chung và công ty TNHH nhựa Ngọc Hải nói riêng phải năng động, nhanh nhạy nắm bắt tốt xu thế vận động của thị trường, không ngừng mở rộng buôn bán đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển để thực sự là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng. Để làm được điều đó các Doanh nghiệp không ngừng cải tiến, hoàn thiện các công cụ quản lý sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí kinh doanh thấp nhất. Và trong

các công cụ quản lý đó, kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đặc lực nhất. Thông qua việc thu thập, xử lý, hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và cung cấp các thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự vận động của tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp giúp cho lãnh đạo đơn vị đưa ra các quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Vì vậy việc hoàn thiện đổi mới không ngừng trong công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng cho phù hợp với yêu cầu quản lý của Doanh nghiệp là một vấn đề hết sức cần thiết trong điều kiện hiện nay

Trong điều kiện môi trường kinh doanh gay gắt như hiện nay, việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu giúp công ty TNHH nhựa Ngọc Hải có thể mở rộng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hơn nữa nhằm đứng vững và phát triển và trở thành niềm tự hào của ngành nhựa Việt Nam, đóng góp một phần đáng kể vào ngân sách Nhà nước.

Mặt khác nước ta là nước nông nghiệp, trình độ dân trí còn thấp, cơ sở còn nghèo nàn lạc hậu, tỷ lệ thất nghiệp cao. Trong khi đó ngành nhựa đòi hỏi rất nhiều lao động, lao động chỉ cần có trình độ phổ thông, tạo thu nhập ổn định. Do đó ngành nhựa phát triển chính là một giải pháp tạo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần giảm tỷ lệ đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống. Chỉ có hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu mới giúp cho công ty TNHH nhựa Ngọc Hải phát triển, từ đó giải quyết được công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động và nâng cao cuộc sống của người lao động .

Bên cạnh đó nhu cầu mua sắm của nhân dân ta ngày càng cao nên việc nghiên cứu thị trường, cải tiến chất lượng sản phẩm để nâng cao chất lượng sử dụng nguyên vật liệu nói chung và việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng sẽ giúp cho công ty TNHH nhựa Ngọc Hải phục vụ tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và thực sự là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.

Mục đích của việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu là tạo hướng đi đúng đắn, đưa công tác kế toán đi vào nề nếp. Với doanh nghiệp sản xuất việc hoàn

thiện kế toán nguyên vật liệu không ngoài mục đích tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao.

3.1.4 Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu

Thứ nhất: Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp Doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu. Quá trình hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp Doanh nghiệp quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu tránh được những mất mát, giảm chi phí cho Doanh nghiệp để từ đó xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, giúp doanh nghiệp phân phối thu nhập chính xác, kích thích người lao động và hoàn thiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Thứ hai: Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu sẽ làm cho tài liệu mà kế toán cung cấp có độ chính xác cao, giúp cho nhà quản trị phân tích, đánh giá đúng đắn toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, thấy được thực tế tình hình sử dụng nguyên vật liệu để từ đó có những biện pháp điều chỉnh kịp thời. Thông qua đó tài liệu của kế toán sẽ có tính pháp lý cao tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh gay gắt. Để tồn tại, đứng vững và phát triển được trong nền kinh tế thị trường đó thì đòi hỏi các nhà quản lý không ngừng đi sâu vào tìm hiểu, phát huy những điểm mạnh của Doanh nghiệp và khắc phục những hạn chế còn tồn tại. Để có thể làm tốt điều này các nhà quản lý chỉ có thể dựa vào những thông tin trung thực, chính xác của kế toán mới có thể giúp nhà quản lý đưa ra quyết định đúng đắn.

Để đạt được kết quả trong công tác hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, kế toán công ty TNHH nhựa Ngọc Hải cần hoàn thiện tốt các yêu cầu sau: Trong từng đơn vị kế toán

Thứ nhất: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo nguyên tắc cơ bản của công tác tổ chức kế toán.

+ Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống kế toán

+ Đảm bảo tính quốc tế của công tác kế toán. Các văn bản pháp lý tác nghiệp kế toán, trang bị kỹ thuật tính toán phải được hướng tới trình độ trình độ chuẩn mực quốc tế của kế toán.

Thứ hai: Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán hiện hành. Nếu doanh nghiệp có muốn sửa đổi phải sửa đổi trong một khuôn khổ nhất định, phải được sự đồng ý của cơ quan tài chính, tôn trọng nguyên tắc trung

Thứ ba: Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của Doanh nghiệp, tạo điều kiện sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Doanh nghiệp mình.

Thứ tư: Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý. Vì chức năng của kế toán là cung cấp các thông tin kinh tế chính xác, cần thiết và kịp thời cho việc ra quyết định, các phương án kinh doanh tối ưu cho Doanh nghiệp.

Thứ năm: Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập với chi phí trong kỳ. Một yêu cầu cần thiết và luôn đúng cho mọi trường hợp đó là: Tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận thu được là cao nhất.

Là một sinh viên trong thời gian thực tập tại công ty cùng với kiến thức được học ở trường, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến để khắc phục những tồn tại, góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tại công ty.

3.2.1 Hoàn thiện về việc ứng dụng phần mềm kế toán

Trong thời đại hiện nay khi khoa học ngày càng phát triển việc đưa kế toán áp dụng trên máy vi tính đã và đang được áp dụng phổ biến trong các Doanh nghiệp sản xuất, giúp cho kế toán tổng hợp số liệu, lập các báo cáo tài chính nhanh chóng, chính xác cao. Nhờ đó tăng thêm hiệu quả làm việc của kế toán, giảm bớt việc ghi chép thủ công. Do vậy công ty nên có kế hoạch đưa phần mềm kế toán vào sử dụng, điều này trước tiên sẽ giảm bớt khối lượng công việc cho phòng kế toán nói chung và đặc biệt cho kế toán vật tư nói riêng. Mặt khác khi áp dụng phần mềm vào công tác kế toán sẽ giúp kế toán viên dễ dàng theo dõi, tìm kiếm thông tin kế toán

một cách nhanh chóng mà không mất nhiều thời gian. Điều đó sẽ làm tăng chất lượng của công tác kế toán do giảm khối lượng ghi chép, giảm sai sót nhầm lẫn tạo điều kiện nâng cao hiệu quả công tác hạch toán kế toán. Hơn nữa việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo khối lượng công việc.

Để làm được điều này công ty cần thực hiện một số công việc sau:

- Tìm kiếm nhà cung cấp phần mềm có uy tín trên thị trường
- Lựa chọn loại phần mềm phù hợp với đặc điểm của công ty

Hiện nay các Doanh nghiệp thường áp dụng các loại phần mềm vào công tác kế toán có thể như phần mềm ESOFT, AD SOFT... Tuy nhiên không phải phần mềm nào ở các Doanh nghiệp đều giống nhau mà tùy vào đặc điểm của mỗi Doanh nghiệp khác nhau thì chương trình áp dụng phần mềm khác nhau sao cho phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp mình.

Trình tự kế toán phần mềm: Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc, xác định tài khoản ghi Nợ, ghi Có để nhập dữ liệu theo bảng biểu thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán, các thông tin kế toán tự động nhập vào sổ kế toán. Cuối tháng (quý, năm) kế toán thực hiện thao tác khóa sổ lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu số liệu giữa sổ tổng hợp với sổ chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực thông tin được nhập trong kỳ.

3.2.2 Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư

Hiện nay tại công ty nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất rất nhiều, mã vật tư tại công ty được lập chưa khoa học hợp lý các nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng. Vì vậy để thuận lợi hơn trong việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách hệ thống, khoa học công ty phải phân loại nguyên vật liệu một cách chính xác, hợp lý. Do đó việc xây dựng sổ danh điểm vật tư một cách khoa học hợp lý là rất cần thiết. Cụ thể việc làm này là để phục vụ nhu cầu quản lý chặt chẽ đối với các nguyên vật liệu, tránh tình trạng nhầm lẫn, thiếu sót, tạo điều kiện cho việc quản lý bằng phần mềm sau này. Việc xây dựng hệ thống mã cho nguyên vật liệu vừa giúp công tác quản lý hiệu quả, vừa giảm bớt khối lượng ghi chép và theo dõi của thủ kho, kế toán vật tư.

Sổ này được mở theo từng loại vật liệu (Vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu...). Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu điều quan trọng là phải xây dựng bộ mã nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác, không trùng lặp. Tuy nhiên để làm được điều này công ty cần thực hiện theo những nguyên tắc sau:

+ Mã hóa vật tư theo cách phân loại ban đầu, xây dựng hệ thống mã phân cấp, mã gồm nhiều trường trong đó trường tận cùng bên trái mang đặc trưng chủ yếu nhất của loại nguyên vật liệu ấy.

Đối với nguyên vật liệu chính ta quy ước là 00

Đối với nhóm vật liệu phụ ta quy ước là 01

Đối với nhóm nhiên liệu ta quy ước là 02

Đối với nhóm vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản ta quy ước là 03

Đối với nhóm phế liệu ta quy ước là 04

+ Khi cần thiết ta kéo dài mã về bên phải. Ví dụ nguyên vật liệu chính có khoảng 10 loại thì tên mỗi loại ta thêm ba chữ số mã hóa về bên phải đằng sau mã của nhóm cho đến hết 10 loại, sau đó lại thêm hai chữ số đằng sau số vừa mã hóa tên của vật liệu chính để chỉ phẩm cấp (loại 1, loại 2, loại 3). Như vậy ta sẽ có một hệ thống mã hóa thống nhất cho tất cả các loại vật tư sử dụng trong công ty, thuận tiện cho công tác quản lý, sử dụng và bảo quản.

Qua nghiên cứu, tìm hiểu các loại vật liệu tại công ty em thấy công ty có thể xây dựng sổ danh điểm vật tư như sau:

Ví dụ: Trích bảng mã nguyên vật liệu dự kiến theo biểu 3.1

Biểu 3.1:

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Mã vật tư	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Tài khoản	Ghi chú
Nhóm vật liệu chính				
00-001-01	Hạt nhựa PP	Kg	1521	
00-002-01	Hạt nhựa PE	Kg	1521	
00-003-01	Hạt nhựa PA	Kg	1521	
00-004-01	Hạt nhựa ABS	Kg	1521	
00-005-01	Hạt nhựa trắng ngà	Kg	1521	
			
00-006-01	Sợi đay	Kg	1521	
00-007-01	Sợi lanh	Kg	1521	
00-008-01	Bột gỗ	Kg	1521	
00-009-01	Sợi xenlulo	kg	1521	
			
Nhóm vật liệu phụ				
01-001-01	Sơn 203 u/c	Kg	1522	
01-002-01	Sơn 142 u/c	Kg	1522	
			
01-003-01	Chất đóng rắn 800HK	Kg	1522	
01-004-01	Dung môi pha sơn	Kg	1522	
			
Nhóm nhiên liệu				
02-001-01	Dầu Diezen	lít	1523	
02-002-01	Dầu nhòn	lít	1523	

3.2.3 Hoàn thiện trích lập dự phòng

Để tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán thì công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phân giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Đây sẽ là nguồn tài chính bù đắp cho những tổn thất có thể xảy ra khi sự thay đổi giá của nguyên vật liệu có sự biến động theo chiều hướng không có lợi cho công ty và đảm bảo việc cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên liên tục.

Các khoản dự phòng có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp sản xuất và nó được thể hiện ở một số mặt khác như: Nhờ có khoản dự phòng giảm giá bằng cân đối kế toán của Doanh nghiệp phản ánh chính xác hơn giá trị thực của tài sản. Dự phòng giảm giá được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm lợi nhuận phát sinh để tính toán chính xác hơn ra số lợi nhuận thực tế.

Doanh nghiệp có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính những hàng hóa đó có giá trị bán trên thị trường thấp hơn giá trị trên sổ kế toán, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp.

Trên cơ sở tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế của từng mặt hàng, kế toán xác định mức dự phòng theo công thức.

$$\text{Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho} = \text{Số lượng hàng tồn kho bị giảm giá tại thời điểm lập BCTC} \times \text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho}$$

$$\text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho} = \text{Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho} - \text{Giá thị trường của hàng tồn kho tại thời điểm lập BCTC}$$

Thời điểm lập dự phòng giảm giá được tiến hành vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo tài chính và phải thực hiện theo đúng các quy định của cơ chế quản lý tài chính hiện hành.

Phải lập dự phòng cho những vật tư, hàng hóa tồn kho nếu xét thấy có những có những bằng chứng đáng tin cậy có thể xảy ra trong tương lai.

Kế toán xác định số dự phòng giảm giá cần lập cho niên độ kế toán với điều kiện không được lớn hơn số lợi nhuận thực tế của công ty.

Việc lập dự phòng giảm giá tiến hành riêng cho từng chủng loại vật tư, hàng hóa bị giảm giá và tổng hợp vào bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Doanh nghiệp

Biểu 3.2:

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

STT	Tên hàng	Số lượng kiểm kê	Giá hạch toán	Giá thị trường	Chênh lệch	Tổng cộng tiền

Ngày.... tháng....năm....

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” để phản ánh việc lập dự phòng và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho

❖ Nội dung và kết cấu tài khoản 159

Bên nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

Số dư bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

- Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) kế toán tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá HTK)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá HTK)

3.2.4 Hoàn thiện thủ tục nhập xuất kho nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu mua về thường được nhập kho và khi có yêu cầu xin cấp vật tư cho sản xuất mới tiến hành xuất kho. Tuy nhiên có một số nguyên vật liệu mua về thường được sử dụng ngay cho sản xuất nhưng công ty vẫn tiến hành viết phiếu nhập kho sau đó lại tiến hành viết phiếu xuất kho ngay. Làm như vậy thủ tục rườm rà, phức tạp mang nặng tính hình thức mà không đem lại lợi ích kinh tế. Theo em, trường hợp này công ty nên xem xét để hạn chế bớt thủ tục nhập kho không cần thiết và có thể sử dụng nguyên vật liệu mua về ngay mà không cần qua kho. Khi số lượng xuất không hết thì mới tiến hành thủ tục nhập kho. Khi đó để xác định bộ chứng từ làm căn cứ ghi Nợ TK 621. Kế toán có thể sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng của người bán, phiếu cấp hạn mức vật tư, biên bản giao nhận và nơi sản xuất

giữa công ty với người bán và biên bản giao nhận vật tư giữa các bộ phận cung ứng với bộ phận sản xuất

Biên bản giao nhận vật tư theo biểu 3.3

Biểu 3.3

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Ngày 09 tháng 12 năm 2008

Chúng tôi gồm:

Ông (bà): Trần Việt Hoà - Người cung ứng

Ông (bà): Trần Thanh Tâm - Người nhận

Đã tiến hành bàn giao sử dụng vật tư sau đây

STT	Quy cách, chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng
1	Sợi lanh	kg	10.803

Đại diện bên cung ứng

Đại diện bên nhận

3.2.5 Hoàn thiện về luân chuyển chứng từ.

Khi các bộ phận phòng ban chuyển giao chứng từ cho nhau công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký vào sổ giao nhận chứng từ. Có như vậy khi xảy ra mất mát, thất lạc chứng từ thì sẽ xử lý đúng cá nhân, đúng bộ phận. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ tại công ty hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên.

Để cho chứng từ về đúng hạn, cung cấp kịp thời cho kế toán. Công ty cần quy định rõ thời hạn gửi chứng từ và xử lý các chứng từ gửi về muộn ảnh hưởng đến

việc lập báo cáo kế toán. Nếu có thể công ty nên nối mạng vi tính từ đơn vị trực thuộc này đến phòng kế toán để có thể đảm bảo việc cung cấp số liệu hàng ngày.

Công ty có thể lập sổ giao nhận chứng từ theo biểu 3.4

Biểu 3.4

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Nơi nhận chứng từ	Người nhận chứng từ	Ký tên
	Ngày	Số				

3.2.6 Nghiên cứu thị trường, tìm hiểu thị trường

Do đặc điểm sản xuất của công ty nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc cung cấp nguyên vật liệu đầy đủ kịp thời là rất cần thiết. Điều đó có nghĩa là ta phải có kế hoạch nghiên cứu thị trường để tìm nguồn nguyên vật liệu

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều nguồn cung cấp nguyên vật liệu, các nguyên vật liệu này có chất lượng khác nhau. Vì vậy việc thiết lập nguồn cung ứng thuộc công ty cần có kế hoạch tìm hiểu thị trường để tìm ra nguồn cung ứng tốt hơn, thuận tiện hơn. Việc tìm thêm nhà cung ứng mới sẽ tạo ra sức ép cho nhà cung ứng quen thuộc và điều này đem lại cơ hội tăng khoản chiết khấu, giảm giá rất có lợi cho công ty. Hơn thế nữa việc tìm hiểu tốt thị trường còn giúp công ty có những bước đi đúng trong công tác thu mua, dự trữ trong các thời điểm khác nhau, tránh phải mua nguyên vật liệu giá cao khi thị trường có sự khan hiếm NVL.

3.2.7 Hoàn thiện về nhân sự

Mặc dù nhân viên phòng kế toán có trình độ tay nghề nhưng trong thời buổi kinh tế thị trường như hiện nay thì Phòng kế toán có số lượng nhân viên ít, khối lượng của nhân viên kế toán vật tư là quá lớn trong khi đó công ty lại chưa áp dụng phần mềm kế toán nên khối lượng công việc của kế toán nhiều. Công ty nên tuyển thêm nhân viên kế toán để đảm bảo công tác kế toán hoạt động hiệu quả, tuyển thêm kế toán vật tư để có thể giảm bớt được khối lượng công việc do mình phụ trách, nhân viên kế toán có thể có điều kiện phát huy hết khả năng của mình. Tránh tình trạng khối lượng công việc nhiều dễ gây ra áp lực trong công việc dẫn đến có những sai sót trong việc tính toán.

Tiếp theo là do trong công ty cán bộ thu mua lại là người thanh toán trực tiếp với người bán. Việc làm này là không khách quan, nên công ty cần điều chỉnh cho việc làm này được thực hiện bởi hai nhân viên khác nhau từ đó có thể đảm bảo cho việc giám sát của kế toán trong việc quản lý giá mua và tình hình thanh toán công nợ với người bán

Công ty nên nâng cao vai trò, trách nhiệm của kế toán trong công tác thanh toán với người bán, từ đó quản lý chặt chẽ giá mua vật tư, quản lý chiết khấu các khoản mua hàng mà công ty được hưởng. Làm tốt khâu này sẽ tiết kiệm được chi phí vật tư trong giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty đồng thời giải quyết được việc vận dụng đúng đắn tài khoản, sổ sách kế toán trong công tác thanh toán với người mua.

Bên cạnh đó công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên của mình có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và quan tâm đến đời sống vật chất tinh thần của cán bộ công nhân viên để họ có điều kiện phát huy hết khả năng. Riêng đối với nhân viên kế toán thì:

+ Nhân viên kế toán cần được tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ.

+ Thường xuyên hướng dẫn, chỉ đạo nhân viên kế toán cập nhật và thực hành kế toán theo đúng chuẩn mực và các thông tư, Quyết định do Nhà nước ban hành về những thay đổi trong hạch toán kế toán.

KẾT LUẬN

Công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng ngày càng giữ vai trò quan trọng trong công tác hoạch định và quản lý ở các Doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sản xuất. Việc tính chính xác, đầy đủ các yếu tố đầu vào là cơ sở để xác định đúng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Nó cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời về tình hình biến động nguồn vốn, tài sản cho ban lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định và biện pháp nhằm sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm là điều kiện để tăng lợi nhuận, tăng quy mô phát triển sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao được sức mạnh cạnh tranh và vị thế của Doanh nghiệp mình trên thị trường.

Qua thời gian nghiên cứu đề tài em đã khái quát được cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu, trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu thực trạng tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải đã giúp em rút ra được những vấn đề sau:

- Về lý luận: Thấy rõ được vai trò quan trọng của kế toán nguyên vật liệu cũng như công tác quản lý, sử dụng nguyên vật liệu trong các Doanh nghiệp
- Về thực tiễn: Chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu cũng như công tác sử dụng nguyên vật liệu tại công ty, từ đó đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện vấn đề sao cho phù hợp với thực tế của công ty và tình hình chung của đất nước. Phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện nay và đặc biệt theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

Khóa luận này được hoàn thiện là nhờ sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, nhân viên phòng tài chính kế toán cũng như sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh, đặc biệt là cô Phạm Thị Nga. Do khả năng còn nhiều hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong thầy cô giáo thông cảm và giúp đỡ em hoàn thiện những thiếu sót trong chuyên đề này. Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ

Cuối cùng em gửi lời biết ơn sâu sắc đến toàn thể thầy cô giáo trong trường Đại học Dân lập Hải Phòng, đặc biệt là thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh

Em xin chân thành cảm ơn !

Ngày 15 tháng 12 năm 2008

Sinh viên thực hiện

Tống Thị Hồng Nhung

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính của Nhà xuất bản tài chính năm 2006
2. Chế độ kế toán Doanh nghiệp: Quyển 1 – Hệ thống tài khoản kế toán của Nhà xuất bản tài chính Hà Nội năm 2006.
3. Chế độ kế toán Doanh nghiệp: Quyển 2 – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán của Nhà xuất bản tài chính Hà Nội năm 2006.
4. Kế toán Doanh nghiệp của nhà xuất bản thống kê 2003
5. Tài liệu tham khảo ở thư viện
6. Tài liệu của công ty TNHH nhựa Ngọc Hải